PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

2. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

b) THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHƯA CÓ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU THEO NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

(Tiếp theo Công báo số 449 + 450)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2526	KEM WET® brand OW Liquid	237-8/11-CN	Bổ sung chất nhũ hóa thực vật và propylene glycol trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu tím tới nâu đỏ	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2527	KEM-GEST Dry	107-04/06-CN	Bổ sung các chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2528	KEM-GEST^{TM} brand Dry	466-11/05-NN	Bổ sung các chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2529	KEMTRACE Chromium 0,04%	KM-85-3/01-KNKL	Chất bổ sung khoáng vi lượng	Dạng bột, màu lục nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2530	KEMTRACETM brand Chromium Dry 4.0%	KM-123-4/01-KNKL	Chất bổ sung khoáng vi lượng	Dạng bột mịn, màu lục nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2531	KemZIN^{TM} brand 2000 Dry	KM-124-4/01-KNKL	Chất bổ sung khoáng vi lượng	Dạng bột mịn, màu trắng nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2532	Kemzyme C Liquid	181-6/08-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2533	Kemzyme C Dry	KM-660-8/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2534	Kemzyme CS Dry	KM-661-8/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2535	Kemzyme HF Dry	KM-20-10/99-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2536	Kemzyme P G Dry	54-02/08-CN	Bổ sung enzyme tiêu hóa (Phytase) nhằm tăng khả năng tiêu hóa Phốtpho cho vật nuôi	Dạng hạt, màu trắng đến vàng rơm	Kemin Industries (Asia) Pte., Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2537	Kemzyme Plus Dry	KM-23-10/99-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2538	Kemzyme ™ Dry	KM-659-8/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2539	Kemzyme TOP Dry	137-4/10-CN	Phụ gia bổ sung các men tiêu hóa vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2540	Kemzyme V Dry	66-02/06-CN	Cung cấp men tiêu hóa dạng bột cho thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2541	Kemzyme VP Dry	180-6/08-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2542	Kemzyme W Dry	KM-24-10/99-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2543	KEMZYME® brand Dry	KM-265-8/00-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Màu trắng ngà	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2544	KEMZYME® brand PS Dry	KM-21-10/99-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2545	Kemzymetm CS Dry	KS-250-7/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2546	Lysoforte Dry	182-6/08-CN	Bổ sung chất nhũ hóa (lecithin biến tính) nhằm	Dạng lỏng, màu nâu	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			tăng khả năng hấp thu thức ăn chăn nuôi của vật nuôi			
2547	Microvit Blend Poultry V	AP-186-6/01-KNKL	Bổ sung các vitamin cho thức ăn gia súc	Dạng bột màu xám nhạt	Adisseo	Singapore
2548	Microvit Blend Swine V	AP-185-6/01-KNKL	Bổ sung các vitamin cho thức ăn gia súc	Dạng bột màu xám nhạt	Adisseo	Singapore
2549	Milk Powder Replacer (Milk Lac)	CS-471-03/02-KNKL	Bổ sung Protein, dinh dưỡng trong TĂCN		Cyt Trading & Logistics	Singapore
2550	Myco Curb Extend Liquid	KS-1569-7/03-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2551	Myco Curb M Dry (Myco Curbr M Dry)	KM-84-3/01-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2552	Myco CURB® brand Aw Liquid	236-8/11-CN	Bổ sung chất ức chế nấm mốc (hỗn hợp các axit hữu cơ: propionic, phosphoric, sorbic và chất chống oxi hóa: BHT và propylene glycol, polyoxyethylene sorbitan ester axit béo)	Dạng lỏng, màu tím tới nâu đỏ	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2553	Myco CURB® brand Dry	KM-16-10/99-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2554	Myco CURB® brand Liquid	KM-17-10/99-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2555	Mycofix Plus 3.0	BI-271-8/01-KNKL	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2556	Mycofix Secure	BI-269-8/01-KNKL	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột thô, màu trắng đục	Biomin Singapore Pte. Ltd	Singapore
2557	Mycofix Select 3.0	BI-270-8/01-KNKL	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột trắng nhạt	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2558	Mycofix® Plus	223-4/05-NN	Chất khử độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2559	Mycofix® Plus 4.0	50-02/08-CN	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc (bentonit và một số men bất hoạt tính) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu be sáng	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2560	Mycofix® Select	222-4/05-NN	Chất khử độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2561	Mycofix® Select 4.0	49-02/08-CN	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc (bentonit và một số men bất hoạt tính) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu be sáng	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2562	NutriMin	157-5/07-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu hoặc xám	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd	Singapore
2563	Oro Glo Dry (oro Glor Dry)	KM-82-3/01-KNKL	Chất chiết từ hoa cúc vàng, dùng làm chất tạo màu cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng đậm	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2564	Oro Glo® brand 20 Dry	KS-218-6/01-KNKL	Chất tạo màu cho da, chân và lòng đỏ trứng gà		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2565	PhyLink	138-5/12-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	Crown Pacific Biotechnology Pte Ltd	Singapore
2566	Phyzyme 5000 G	FP-497-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Dạng bột	Danisco Singapore Pte	Singapore
2567	Pig Lure (pig Lure Dry)	KM-80-3/01-KNKL	Chất tạo hương và tạo sự ngon miệng, tăng khả năng tiêu thụ thức ăn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2568	Pig mineral	362-11/08-CN	Premix khoáng bổ sung trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu sắc đa dạng theo từng lô hàng	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore
2569	Pig Savor Liquid (Pig Savorr Liquid)	KM-86-3/01-KNKL	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, tăng khả năng tiêu hóa của thức ăn	Dạng lỏng, màu lục hơi nâu	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2570	Pig vitamin	365-11/08-CN	Premix vitamin bổ sung trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu sắc đa dạng theo từng lô hàng	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore
2571	Porzyme 9302	FP-512-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho heo	Dạng bột	Danisco Singapore Pte	Singapore
2572	Porzyme Tp 100- (Hp)	FF-133-5/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa	Dạng bột, màu vàng, nâu	Danisco Singapore Pte	Singapore
2573	Porzyme Tp101	FA-296-8/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa vào TĂCN	Dạng bột, màu nâu nhạt	Danisco Singapore Pte	Singapore
2574	Poultry mineral 2000	361-11/08-CN	Premix khoáng bổ sung trong thức ăn cho gia cầm	Dạng bột, màu sắc đa dạng theo từng lô hàng	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore
2575	Poultry vitamin 21270	363-11/08-CN	Premix vitamin bổ sung trong thức ăn cho gia cầm	Dạng bột, màu sắc đa dạng theo từng lô hàng	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore
2576	PoultryStar® sol	204-5/10-CN	Bổ sung probiotic trong thức ăn nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho gia cầm	Dạng bột, màu hơi trắng	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2577	PoultryStar®ME	205-5/10-CN	Bổ sung probiotic trong thức ăn nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho gia cầm	Dạng bột, màu xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2578	Primos 25	333-10/09-CN	Chất từ thiên nhiên làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu vàng trắng đến vàng nhạt	Vantarion Pte., Ltd. Singapore	Singapore
2579	PROMOTE™ Proacid AD 201	184-3/05-NN	Bổ sung acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.,	Singapore
2580	PROMOTE™ ProChek GP 77L	183-3/05-NN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.,	Singapore
2581	ReciTOL® S Liquid	427-11/10-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi để duy trì độ ẩm	Dạng lỏng, không màu	Bentoli Agrinutrition Asia Pte Ltd	Singapore
2582	Rovabio Excel AP	AA-54-2/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa (enzyme) cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	Singapore
2583	Rovabio Excel AP 10%	99-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Adisseo Asia Pacific Ptd. Ltd	Singapore
2584	Sal CURB Dry	201-7/07-CN	Bổ sung chất chống khuẩn (hỗn hợp axit hữu cơ và nuôi của chúng) trong thức ăn chăn	Dạng bột, màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2585	Sal CURB Liquid	199-7/07-CN	Bổ sung chất chống khuẩn (hỗn hợp axit hữu cơ và nuôi của chúng) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu tía đến đỏ nâu	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2586	Sal CURB RM Extra Liquid	200-7/07-CN	Bổ sung chất chống khuẩn (hỗn hợp axit hữu cơ và nuôi của chúng) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu tía đến đỏ nâu	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2587	Sal Curb RM Liquid	KS-223-6/01-KNKL	Khống chế samonella, các khuẩn có hại trong nguyên liệu và TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2588	Sicovit Tartrazin 85 e102	BS-1397-12/02-KNKL	Chất tạo màu trong TĂCN	Bột màu đỏ thẫm	Basf Sounth East Asia. Pte	Singapore
2589	SixTET Dry	465-11/05-NN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd,	Singapore
2590	SixTET^{TM} brand Dry	281-9/07-CN	Chất phụ gia bổ sung chất axít hóa đường ruột cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2591	Sodium Selenite ($NazSeO_3$)	BN-1447-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Selen (Se) trong TĂCN	Dạng bột tinh thể màu trắng	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2592	Sweet vanilla B Dry	KS-222-6/01-KNKL	Chất tạo mùi và vị vanilla sữa cho thức ăn cho heo và cho bê		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2593	Toxfin Dry	133-4/07-CN	Chất liên kết hữu hiệu nhằm giảm tác hại của độc tố nấm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2594	Toxibind Dry	KS-219-6/01-KNKL	Chất hấp thụ độc tố nấm		Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore
2595	Trace Mineral Premix for final phase meat duckling	420-10/CN-10	Premix khoáng cho vịt từ 6 tuần trở lên	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2596	Trace Mineral Premix for first phase broiler	415-10/CN-10	Premix khoáng cho gà thịt dưới 3 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2597	Trace Mineral Premix for first phase meat duckling	417-10/CN-10	Premix khoáng cho vịt dưới 3 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2598	Trace Mineral Premix for first phase pig grower A	405-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2599	Trace Mineral Premix for first phase pig grower B	406-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2600	Trace Mineral Premix for first phase pig grower C	407-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2601	Trace Mineral Premix for first phase pig grower D	408-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2602	Trace Mineral Premix for First phase replacement pullet A	412-10/CN-10	Premix khoáng cho gà đẻ dưới 6 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2603	Trace Mineral Premix for First phase replacement pullet B	413-10/CN-10	Premix khoáng cho gà đẻ dưới 6 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2604	Trace Mineral Premix for Laying Hen	414-10/CN-10	Premix khoáng cho gà đẻ	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2605	Trace Mineral Premix for middle phase broiler	416-10/CN-10	Premix khoáng cho gà thịt từ 4 đến 6 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2606	Trace Mineral Premix for middle phase meat duckling A	418-10/CN-10	Premix khoáng cho vịt từ 4 đến 6 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2607	Trace Mineral Premix for middle phase meat duckling B	419-10/CN-10	Premix khoáng cho vịt từ 4 đến 6 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2608	Trace Mineral Premix for second phase piglet	411-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn từ 15 đến 35kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2609	Trace Mineral Premix I for first phase piglet	409-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn con cai sữa sau 2 tuần	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2610	Trace Mineral Premix II for first phase piglet	410-10/CN-10	Premix khoáng cho lợn con dưới 15kg	Dạng bột, màu trắng xám	EastHope (Singapore) Animal Nutrition Pte. Ltd	Singapore
2611	Vanilla Aromac Dry	KS-220-6/01-KNKL	Chất tạo mùi và vị vanilla sữa cho TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2612	VitaLink	156-5/07-CN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu hoặc vàng	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd	Singapore
2613	Vitalink Plus	158-5/07-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd	Singapore
2614	VP 1000 W.S	102-04/06-CN	Bổ sung axit amin và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vetpharm Laboratories (S) Pte Ltd	Singapore
2615	Zymeyeast 100	84-03/06-CN	Giúp tăng khả năng hấp thụ thức ăn và tăng chất lượng trứng	Dạng bột, màu nâu	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2616	Fish Meal Analogue	262-08/06-CN	Bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Kafileria, A.S	Slovakia
2617	Klinofeed	UT-1827-1/04-NN	Bổ sung chất chống nấm mốc trong TĂCN	Bột màu trắng	Zeocem, (Product of Unipoint AG, Switzerland)	Slovakia
2618	Globatan	188-02/05-NN	Bổ sung tanin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Tanin Sevnica	Slovenia
2619	Ligno Bond DD	119-4/11-CN	Bổ sung chất kết dính (calcium lignosulphonate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Lignotech South Africa	South Africa
2620	Sweet Whey Powder	054-9/04-NN	Bổ sung sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem nhạt	Pamarlat SA (PTY) LTD	South Africa
2621	Kinofos 18 (Dicalcium Phosphate Dihydrate Feed Grade)	KKA-181-6/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng trong thức ăn chăn nuôi		KK AnimalNutrition. South African	South Africa
2622	Kinofos 21 Fines (Monocalcium Phosphate Feed Grade)	KKA-180-6/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng trong thức ăn chăn nuôi		KK AnimalNutrition	South Africa
2623	Acidbac	331-7/05-NN	Chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Dex Ibérica, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2624	Adizox	45-02/12-CN	Bổ sung Kẽm (dưới dạng ôxít Kẽm) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng xám	Vetpharma Animal Health, S.L	Spain
2625	Alquerfeed AD_3Evital	165-4/10-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng	BIOVET, S.A	Spain
2626	Alquerfeed Aminovet	127-04/09-CN	Premix vitamin, khoáng vi lượng và amino acid dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu cam	BIOVET, S.A	Spain
2627	Alquerfeed Vitamin Aminoacidos L	128-04/09-CN	Premix vitamin, khoáng vi lượng và amino acid dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2628	Alquerfeed Vitamin Antistress L	164-4/10-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2629	Alquerfeed Vitamin B	163-4/10-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đỏ	BIOVET, S.A	Spain
2630	Alquermix Breeding Sows Premium	170-4/10-CN	Bổ sung acid hữu cơ, enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2631	Alquermix Grower Premium	168-4/10-CN	Bổ sung acid hữu cơ, enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2632	Alquermix Layer Premium	167-4/10-CN	Bổ sung acid hữu cơ, enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2633	Alquermix Post Weaning Premium	169-4/10-CN	Bổ sung acid hữu cơ, enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2634	Alquermix Starter Lechones	132-04/09-CN	Hỗn hợp axít hữu cơ nhằm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2635	Alquermix Starter Premium	131-04/09-CN	Hỗn hợp emzyme và hương liệu tự nhiên dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2636	Alquernat Magacal	129-04/09-CN	Chất chiết thực vật (cỏ ba lá, tỏi) bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOVET, S.A	Spain
2637	Alquernat Nebsui	130-04/09-CN	Chất chiết thực vật (cỏ ba lá, tỏi) bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	BIOVET, S.A	Spain
2638	Alquerplus Columvital	166-4/10-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đỏ	BIOVET, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2639	Anilox P-10	NS-399 - 12/01-KNKL	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Norel S.A	Spain
2640	Anilox P-20	NS-400-12/01-KNKL	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Norel S.A	Spain
2641	AP301	67-02/06-CN	Cung cấp chất đạm và các chất dinh dưỡng khác trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột rời, màu đỏ nâu	APC Europe, S.A	Spain
2642	Atox	01-01/09-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc (bentonite) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2643	Bergameal	BS-79-3/01-KNKL	Cung cấp chất đạm và chất béo	Dạng bột thô, màu nâu	InvesaSpain	Spain
2644	Biomet Copper 10%	NS-439-01/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Norel S.A	Spain
2645	Biomet Copper 15% (Biomet Cobre 15%)	303-6/05-NN	Bổ sung đồng (Cu) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu xanh	Norel, S.A	Spain
2646	Biomet Fe 10%	NS-408-12/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Norel S.A	Spain
2647	BIOMET FE-15% (Biomet Iron 15%)	141-01/05-NN	Bổ sung Sắt (Fe) hữu cơ vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ nâu	Norel S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2648	BIOMET MN - 15% (Biomet Manganese 15%)	139-01/05-NN	Bổ sung Mangan (Mn) hữu cơ vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Norel S.A	Spain
2649	BIOMET ZN - 15% (Biomet Zinc 15%)	140-01/05-NN	Bổ sung Kẽm (Zn) hữu cơ vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Norel S.A	Spain
2650	Bionulpro	347-8/05-NN	Bổ sung dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi và ngừa tiêu chảy	Dạng bột, màu vàng nâu	Alimcarat, S.L	Spain
2651	Biosaponin Pv	BN-500-4/02-KNKL	Tạo mùi trong TĂCN	Bột màu nâu	Bioquimex.	Spain
2652	Biosaponin-P	BT-381-11/01-KNKL	Làm giảm mùi hôi trong chất thải chăn nuôi	Dạng bột	S.A.Alniser	Spain
2653	Bột trái minh quyết (Caromic)	GS-474-3/02-KNKL	Bổ sung trong TĂCN nhằm tăng khả năng tiêu hóa		G.A Torres. S.L	Spain
2654	Butimax 45 NT	44-02/12-CN	Bổ sung muối Natri Butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Vetpharma Animal Health, S.L	Spain
2655	Butirex	325-10/09-CN	Bổ sung muối axit hữu cơ (Natri Butyrate) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Novation 2002	Spain
2656	Calfostonic	IS-165-5/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng		Invesa	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2657	Canthacol (Canthaxanthin)	HĐ-1623-8/03-KNKL	Bổ sung chất tạo màu trong TĂCN		Iqf	Spain
2658	Canthacol®	269-9/07-CN	Bổ sung chất tạo màu (Canthaxanthin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu tím	Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticas, SA	Spain
2659	Canthacol® 1%	47-01/08-CN	Bổ sung chất tạo màu (Canthaxanthin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng với các hạt đỏ	Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticas, S.A	Spain
2660	Capsantal CX 1 Pigmentante (Capsantal CX 1)	174-4/10-CN	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin vào thức ăn nhằm cải thiện màu sắc trứng và sắc tố da cho gà	Dạng bột, màu đỏ sẫm	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2661	Capsantal CX Pigmentante (Capsantal CX)	173-4/10-CN	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin vào thức ăn nhằm cải thiện màu sắc trứng và sắc tố da cho gà	Dạng bột, màu đỏ sẫm	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2662	Capsantal EBS 30 NT	03-01/09-CN	Bổ sung chất tạo màu vàng chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2663	Capsantal FS 20 NT	162-05/09-CN	Chất tạo màu đỏ dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2664	Capsantal FS 30 NT	04-01/09-CN	Bổ sung chất tạo màu đỏ chiết xuất từ quả ớt đỏ vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2665	Capsoquin Liquid (Capsoquin Liquid Etoxiquin)	IS-1756-11/03-NN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong TĂCN		Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2666	Capsoquin N	IS-697-9/02-KNKL	Chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2667	Capsozyme SB Up	243-07/09-CN	Men tiêu hóa dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be sáng đến nâu	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A	Spain
2668	Caromic (Caroba)	82-02/06-CN	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	G.A. Torres, S.L.	Spain
2669	Cena Wou	AA-1736-10/03-NN	Bổ sung khoáng và vitamin trong TĂCN	Bột màu trắng	Cenavisa S.A Labolatorios	Spain
2670	Cencalcium Plus C	CT-1492-5/03-KNKL	Bổ sung Vitamin và khoáng trong TĂCN	Dạng bột màu trắng	Cenavisa S.A Labolatorios	Spain
2671	Corion Calciomag Oral	315-8/10-CN	Bổ sung khoáng chất Canxi và Mngie trong thức ăn chăn nuôi cho bò	Dạng đặc, màu hơi vàng đục	Dilus Labs, S.L (Dilus Laboratories)	Spain
2672	DIGESTO VET	374-9/05-NN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	TAV Veterinaria S.L.,	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2673	Digestocap	IS-695-9/02-KNKL	Chống mốc trong TĂCN		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2674	Drop Off	187-5/10-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	TAVET (TAV VETERINARIA)	Spain
2675	Esporafeed®	NS-440-01/02-KNKL	Cung cấp men vi sinh trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	Norel S.A	Spain
2676	EXAL	55-02/11-CN	Bổ sung chất chống vón cục (từ khoáng tự nhiên - Sepiolite) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem nhạt	TOLSA, S.A	Spain
2677	Exal (E-562)	360-11/09-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc (khoáng tự nhiên - Sepiolite) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Tolsa, S.A	Spain
2678	Exal-H	126-4/10-CN	Bổ sung chất chống vón cục (Sepiolite) vào TĂCN cho vật nuôi	Dạng bột trơn chảy, màu kem nhạt	TOLSA, S.A	Spain
2679	Fintox	206-07/06-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố mycotoxin trong TACN	Dạng bột, màu be (hơi nâu)	Lipidos Toledo, S.A	Spain
2680	Fintox mold	207-07/06-CN	Bổ sung chất kháng mycotoxin và độc tố nấm mốc trong TĂCN	Dạng bột, màu be (hơi nâu)	Lipidos Toledo, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2681	Fintox mold Plus	208-07/06-CN	Bổ sung chất khử hoạt tính mycotoxin và ức chế nấm mốc trong TĂCN	Dạng bột, màu be (hơi nâu)	Lipidos Toledo, S.A	Spain
2682	Fitodigest SDP	203-3/05-NN	Bổ sung đạm đậu nành trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Bioiberica S.A.,	Spain
2683	Flavoral	362-11/09-CN	Bổ sung chất tạo hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem sữa	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A	Spain
2684	Formycine Gold PX	316-8/10-CN	Phụ gia để bảo quản thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu trắng ngà	Investigaciones Químicas Y Farmacéuticas, S.A. Spain	Spain
2685	Fungicap Liquid	02-01/09-CN	Bổ sung chất chống mốc (acid Propionic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng cam	Industrial Tecnica Pecuaria S.A	Spain
2686	Fungicap N	IS-696-9/02-KNKL	Chống mốc trong TĂCN		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2687	Fungicap S	361-11/09-CN	Bổ sung chất chống nấm mốc (axit propionic và muối của chúng) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A	Spain
2688	Funginat FP	NS-401-12/01-NKKL	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Norel S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2689	Funginate FP-42	NS-402-12/01-KNKL	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Norel S.A	Spain
2690	Gustor B-40	NS-407-12/01-KNKL	Bổ sung chất Acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng	Norel S.A	Spain
2691	Gustor Lactating Animals	NS-403-12/01-KNKL	Bổ sung chất acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Norel S.A	Spain
2692	Gustor Liquid	218-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (axit latic, axit formic, axit propionic) và muối ammonium formate trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Norel, S.A	Spain
2693	Gustor Monogastrics	NS-405-12/01-KNKL	Bổ sung chất acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng hạt	Norel S.A	Spain
2694	Gustor Poultry	NS-406-12/01-KNKL	Bổ sung chất acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Norel S.A	Spain
2695	Gustor Ruminants	NS-404-12/01-KNKL	Bổ sung chất acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Norel S.A	Spain
2696	Gustor XXI B92	302-6/05-NN	Bổ sung chất acid hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Norel, S.A	Spain
2697	Ibernat Yucca L	40-02/12-CN	Bổ sung chiết xuất cây Yucca schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Biovet, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2698	Ingaso P-120	356-11/07-CN	Bổ sung Premix vitamin và khoáng cho lợn con	Dạng bột, màu phớt hồng	Ingaso	Spain
2699	Ingaso P-140	355-11/07-CN	Bổ sung Premix vitamin và khoáng cho lợn con	Dạng bột, màu xám	Ingaso	Spain
2700	Ingaso P-712	354-11/07-CN	Bổ sung Premix vitamin và khoáng cho lợn con	Dạng bột, màu kem	Ingaso	Spain
2701	Lactic Acid Feed 80	374-12/07-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm giảm độ pH trong hỗn hợp thức ăn chăn nuôi và dạ dày của heo con	Dạng lỏng, màu nâu	Purac Bioquimica SA.	Spain
2702	Lacticap P	IS-694-9/02-KNKL	Chống mốc trong TĂCN		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2703	Lipto-Antiox	LS-1720-10/03-NN	Bổ sung chất chống oxi hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu kem	Lipidos Toledo S.A. Spian	Spain
2704	Liptomold M	LS-1721-10/03-NN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu xám	Lipidos Toledo S.A. Spian	Spain
2705	Liptosafe - L	209-07/06-CN	Bổ sung các chất kháng độc tố cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu hơi nâu	Lipidos Toledo, S.A	Spain
2706	Luctamold 34892-Z	351-12/06-CN	Chất chống mốc cho thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta S.A	Spain
2707	Luctamold 50155Z	049-8/04-NN	Chất chống mốc dùng để bảo quản nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng	Lucta S.A.,	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2708	Luctamold HC 1777Z	LT-556-6/02-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong TĂCN	Dạng bột	Lucta SA	Spain
2709	Luctamold L 1473z	LT-557-6/02-KNKL	Chống mốc trong TĂCN	Dạng bột	Lucta SA	Spain
2710	Luctamold LS 1491-Z	LS-355-12/00-KNKL	Chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, không màu	Lucta S.A	Spain
2711	Luctanox 2072-Z	353-12/06-CN	Chất chống oxy hóa cho thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Lucta S.A	Spain
2712	Luctanox LG 1680-Z	LS-356-12/00-KNKL	Chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Lucta S.A	Spain
2713	Luctanox Premix 56815Z	237-8/08-CN	Chất chống oxy hóa dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Lucta, S.A	Spain
2714	Luctaplus 35999Z	LC-285-9/00-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, tạo hương thơm, bổ sung chất a xít hóa vào thức ăn cho lợn con trước và sau cai sữa	Bột trơn màu nâu nhạt	Lucta S.A	Spain
2715	Luctarom Lactantes 33114z	LS-583-8/02-KNKL	Bổ sung hương liệu và Na trong TĂCN		Lucta S.A	Spain
2716	Luctarom Sucklers "S" 1775-Z	LS-311-11/00-KNKL	Chất tạo hương: Tạo mùi bơ sữa, mùi thơm trái cây	Bột màu vàng nhạt	Lucta S.A	Spain
2717	Luctarom Sucklers "S" 31933Z	LS-310-11/00-KNKL	Chất tạo hương: Tạo mùi thơm trái mâm xôi	Bột màu trắng	Lucta S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2718	Luctarom Sucklers "S" 33091-Z	LS-309-11/00-KNKL	Chất tạo hương: Tạo mùi bơ sữa, mùi vani	Bột màu trắng	Lucta S.A	Spain
2719	Luctarom Sucklers "S" 60031Z	89-2/07-CN	Phụ gia TACN nhằm bổ sung vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Lucta S.A.	Spain
2720	Luctarom Sweet 500 53862Z	069-11/04-NN	Chất tạo vị ngọt bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta S.A.,	Spain
2721	Luctazyme Pro-Pig 2089Z	047-8/04-NN	Hỗn hợp enzyme trộn vào thức ăn cho heo con	Bột màu nâu	Lucta S.A.,	Spain
2722	Luctazyme Pro-Pig 33630Z	048-8/04-NN	Hỗn hợp enzyme trộn vào thức ăn cho heo con	Bột màu nâu	Lucta S.A.,	Spain
2723	Magnapac	163-05/09-CN	Phụ gia bổ sung muối canxi của axit béo dầu cọ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Norel, S.A.	Spain
2724	Micofung	329-7/05-NN	Chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Dex Ibérica, S.A	Spain
2725	Moxid Powder	327-10/09-CN	Bổ sung chất chống mốc (hỗn hợp Axit propionic và Sepiolite) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Novation 2002	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2726	Next Enhance 150	434-12/08-CN	Bổ sung chất tạo hương vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu cam	Investigaciones Químicas y Farmacéuticas, S.A.	Spain
2727	Novacid Pigs Powder	328-10/09-CN	Bổ sung chất axit hóa (hỗn hợp axit hữu cơ và vô cơ) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Novation 2002	Spain
2728	Nucleoforce	204-3/05-NN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Bioiberica S.A.,	Spain
2729	Nutriaroma Edulcorante A-100	332-7/05-NN	Chất tạo vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Dex Ibérica, S.A	Spain
2730	Oxycap E2	IS-692-9/02-KNKL	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2731	Palbio 50RD	205-3/05-NN	Bổ sung protein dễ tiêu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem nhạt	Bioiberica S.A.,	Spain
2732	Palbio 62 SP	206-3/05-NN	Bổ sung protein dễ tiêu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem nhạt	Bioiberica S.A.,	Spain
2733	Premix Mega 11	346-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn từ 21 ngày tuổi đến 12 tuần tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2734	Premix Mega 40	345-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn từ 21 ngày tuổi đến 12 tuần tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2735	Premix PL-211	344-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn con từ 1 tuần tuổi đến 12 tuần tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2736	Premix Provipor-3	343-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn dưới 6 tháng tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2737	Premix PS-3%	340-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn từ 21 ngày tuổi đến 12 tuần tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2738	Premix PS-610	342-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn con được 21 ngày tuổi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2739	Premix Reprodumix-3	341-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn nái sinh sản	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2740	Premix Reprodumix-7	348-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn nái	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2741	Premix ST-10	347-12/06-CN	Chất bổ sung premix vitamin, khoáng cho lợn con từ 42 ngày tuổi đến 30kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Produmix, S.A	Spain
2742	Promotor - L	244-07/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Laboratorios Calier, S.A	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2743	Rhodimet AT 88	AA-53-2/01-KNKL	Bổ sung đạm (protein) cho TĂCN	Dạng lỏng, màu trắng kem	Adisseo	Spain
2744	Salcap NT	IS-693-9/02-KNKL	Chống mốc trong TĂCN		Industrial Tecnica Pecuaria SA	Spain
2745	Salmosan	242-07/09-CN	Chất chiết xuất từ hạt cây bồ kết ba gai (Locust) dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A	Spain
2746	Salmox Powder	326-10/09-CN	Bổ sung chất chống salmonella (hỗn hợp Nhôm-phomate và Axit propionic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Novation 2002	Spain
2747	Skimmed Milk Replacer Suspray 42	LT-1518-5/03-KNKL	Bổ sung chất thay thế sữa trong TĂCN		Lipidos Toledo. S.A	Spain
2748	Soyalait	202-3/05-NN	Bột đậu nành cao đạm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Lipidos Toledo S.A. (Liptosa)	Spain
2749	Tastex B/20 F	134-04/06-CN	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Exquim, S.A.	Spain
2750	Tastex B/30F	RUBY-81-3/00-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi		Exquim . S.& Joan Buscala	Spain
2751	Tastex F/30F	RUBY-80-3/00-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi		Exquim . S.& Joan Buscala	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2752	Tastex F1/10	RUBY-82-3/00-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi cá trong thức ăn chăn nuôi		Exquim . S.& Joan Buscala	Spain
2753	Toxiban AM	317-8/10-CN	Phụ gia để bảo quản thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Investigaciones Químicas Y Farmacéuticas, S.A. Spain	Spain
2754	Toxiban® Max	48-01/08-CN	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc (bentonit và chiết xuất men bia) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticas, S.A	Spain
2755	Toxidex	330-7/05-NN	Chất hấp thu độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Dex Ibérica, S.A	Spain
2756	Toxinor	202-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, phòng ngừa độc tố nấm mốc	Dạng bột, màu nâu	Norel S.A.	Spain
2757	Toyocerin 10^{10}	233-07/09-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (probiotic) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng hoặc màu nâu nhạt	Rubinum, S.A.	Spain
2758	Toyocerin 10^{9}	234-07/09-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (probiotic) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng hoặc màu nâu nhạt	Rubinum, S.A.	Spain
2759	Ultra-C	LS-1791-12/03-NN	Bổ sung chất kết dính trong TĂCN		Lipodos Toledo S.A (Liptosa)	Spain

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2760	Vacu Block RD	BS-125-NN	Đá liếm bổ sung khoáng vi lượng cho đại gia súc	Màu nâu đỏ	Trisal S.A	Spain
2761	Xamacol® 40	270-9/07-CN	Bổ sung chất tạo màu (chất chiết xuất từ thực vật) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đất	Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticas, SA	Spain
2762	Bolifor DPC-P (Dicalcium Phosphate Dihydrate Feed Grade)	KKA-182-6/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng trong thức ăn chăn nuôi		Kk Animal Nutrition. Sweden	Sweden
2763	Bolifor MSP	KT-338-10/01-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột	Kemira.Sweden	Sweden
2764	Bredol 683	419-12/08-CN	Chất nhũ hóa dùng bổ sung chất kết dính trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Akzo Nobel Surface Chemistry AB	Sweden
2765	Bredol 694	53-02/06-CN	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, nhão, màu trắng đục	Akzo Nobel Surface Chemistry AB	Sweden
2766	Ascogen	108-3/11-CN	Bổ sung chiết xuất nấm men và tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi nâu	Chemoforma Ltd	Switzerland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2767	B-Traxim® 2C Cu-240 (Code M60-5010)	36-01/11-CN	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Pancosma S.A	Switzerland
2768	B-Traxim® 2C Fe-220 (Code M60-5000)	35-01/11-CN	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Pancosma S.A	Switzerland
2769	B-Traxim® 2C Mn-220 (Code M60-5030)	38-01/11-CN	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt	Pancosma S.A	Switzerland
2770	B-Traxim® 2C Zn-260 (Code M60-5020)	37-01/11-CN	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Pancosma S.A	Switzerland
2771	B-TRAXIM® Pro, Code M61-6000	15-02/10-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh xám nhạt	Pancosma S.A	Switzerland
2772	B-Traxim® Pro2, code M61-6001	156-6/11-CN	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi bò và lợn	Dạng bột, màu hơi xanh xám	Pancosma S.A	Switzerland
2773	B-Traxim® Selenium-11 (Code 9847)	39-01/11-CN	Bổ sung khoáng Selen (Se) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ đến nâu	Pancosma S.A	Switzerland
2774	CRINA® Finishing Pigs and Sows	88-03/09-CN	Hợp chất mùi thơm dùng trong sản xuất thức ăn cho lợn thịt và lợn nái	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt	DSM Nutritional Products Ltd. (Branch site Gland)	Switzerland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2775	CRINA® Piglets	89-03/09-CN	Hợp chất mùi thơm dùng trong sản xuất thức ăn cho lợn con	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt	DSM Nutritional Products Ltd. (Branch site Gland)	Switzerland
2776	CRINA® Poultry	90-03/09-CN	Hợp chất mùi thơm dùng trong sản xuất thức ăn cho gia cầm	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt	DSM Nutritional Products Ltd. (Branch site Gland)	Switzerland
2777	Cylactin® LBC ME10	184-6/07-CN	Vi khuẩn lactic bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ổn định hệ vi khuẩn đường ruột vật nuôi	Dạng hạt, màu trắng đến vàng nhạt	Cerbios-Pharma S.A.	Switzerland
2778	Dynamutilin 10% Premix	NT-1428-02/03-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Novartis Animal Health INC	Switzerland
2779	Klino-Acid	UA-169-6/00-KNKL	Chống mốc, bất hoạt độc tố nấm mốc Mycotoxin, bất hoạt Salmonella		Unipoint A.G	Switzerland
2780	Klinofeed	UA-168-6/00-KNKL	Bất hoạt độc tố nấm mốc Mycotoxin, chống kết vón		Unipoint A.G	Switzerland
2781	Klinosan	UA-170-6/00-KNKL	Bất hoạt độc tố nấm mốc Mycotoxin, phục hồi chức năng gan		Unipoint A.G	Switzerland
2782	Ronozyme® G2 G	NT-626-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme Xylanase Glucanase trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng kem	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2783	Rovimex® AD_3 1000/200	RT-1891-02/04-NN	Cung cấp Vitamin A, D_3 cho gia súc, gia cầm	Hạt mịn, màu nâu	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland
2784	Rovimix® A 1000	RT-1890-02/04-NN	Cung cấp vitamin A cho gia súc, gia cầm	Hạt mịn, màu nâu	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland
2785	ROVIMIX® A 500	RT-604-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin A trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu đậm	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland
2786	ROVIMIX® A 750	RT-602-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin A trong TĂCN	Hạt màu nâu	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland
2787	ROVIMIX® AD_3 750/150	RT-603-8/02-KNKL	Cung cấp vitamin A, D_3 trong TĂCN	Hạt màu nâu	DSM Nutritional Products Ltd.Site Sisseln	Switzerland
2788	ROVIMIX® E- 50 Adsorbate	RT-605-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin E trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland
2789	Rovimix® Niacin	RP-616-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin Niacin trong TĂCN	Hạt mịn, màu vàng nhạt	DSM Nutritional Products Ltd. Site Sisseln	Switzerland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2790	Sucram® 150.838 (Code 6838)	40-01/11-CN	Bổ sung chất tạo ngọt (Natri saccharin) trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt	Pancosma S.A.	Switzerland
2791	Vannagen	109-3/11-CN	Bổ sung chiết xuất nấm men và tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi nâu	Chemoforma Ltd	Switzerland
2792	Vitamin A Palmitate 1.0 m IU/g (tocopherol)	42-1/07-CN	Cung cấp Vitamin A cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	DSM Nutritional Products Ltd	Switzerland
2793	Vitamin A Palmitate 1.7 m IU/g (tocopherol)	40-1/07-CN	Cung cấp Vitamin A cho gia súc, gia cầm	Dạng dầu, màu vàng	DSM Nutritional Products Ltd	Switzerland
2794	Vitamin D_3 1.0 m. IU/g	39-1/07-CN	Cung cấp Vitamin D_3 cho gia súc, gia cầm	Dạng dầu, không màu đến hơi vàng	DSM Nutritional Products Ltd	Switzerland
2795	AA-Nutri Yeast CH	145-4/10-CN	Chất phụ gia, cung cấp chất dinh dưỡng nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn trên gà	Dạng hạt, màu trắng ngà	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2796	AA-Nutri Yeast DK	144-4/10-CN	Chất phụ gia, cung cấp chất dinh dưỡng nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn trên vịt	Dạng hạt, màu trắng ngà	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2797	AA-Nutri Yeast SW12	371-12/09-CN	Chất phụ gia, cung cấp chất dinh dưỡng nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng ngà	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2798	AA-Nutri Yeast SW2	369-12/09-CN	Chất phụ gia, cung cấp chất dinh dưỡng nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng ngà	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2799	AA-Nutri Yeast SW6	370-12/09-CN	Chất phụ gia, cung cấp chất dinh dưỡng nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng ngà	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2800	AA-Nutri™ Focus CH	113-3/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus coagulans) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2801	AA-Nutri™ Focus DK	112-3/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus coagulans) trong thức ăn chăn nuôi vịt	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2802	AA-Nutri™ Focus FH	115-3/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus amyloliquefaciens) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2803	AA-Nutri™ Focus SP	114-3/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus amyloliquefaciens) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2804	AA-Nutri™ Focus SW12	49-02/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus amyloliquefaciens (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co. Ltd	Taiwan
2805	AA-Nutri™ Focus SW2	47-02/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus amyloliquefaciens (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co., Ltd	Taiwan
2806	AA-Nutri™ Focus SW6	48-02/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus amyloliquefaciens (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng	Legend Nutraceutical Co. Ltd	Taiwan
2807	Active Cleaner	RI-1721-10/03-NN	Bổ sung chất diệt độc tố trong TĂCN	Hạt màu vàng	Future Biotech Co. Ltd	Taiwan
2808	Adhealth No.1	240-10/06-CN	Bổ sung các vitamin, axit amin, men và chất chiết từ khuẩn Rhizopus vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Union Formosa Biochemistry Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2809	Aminogen-S	295-10/06-CN	Bổ sung đạm dễ tiêu hóa từ nguồn đậu tương cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu đen	Chung-Chi Biotechnology Co	Taiwan
2810	Bio - Gold	131-4/07-CN	Thức ăn bổ sung được sản xuất bởi sự lên men tách béo bã đậu nành	Dạng bột, màu vàng nhạt	Hui Shung Agriculture & Food Corp	Taiwan
2811	Bio Gold	359-11/11-CN	Khô dầu đậu tương tách vỏ được lên men, dùng làm nguyên liệu thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Total Nutrition Technologies Co., Ltd	Taiwan
2812	Biometa	08-01/10-CN	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Ye Cherng Industrial Products Co., Ltd	Taiwan
2813	Bio-Pro (Soya Protein)	HT-1434-03/03-KNKL	Bổ sung đạm trong TĂCN		Hui Shung Agriculture & Food Corp	Taiwan
2814	Biotide	467-12/10-CN	Khô dầu đậu tương đã được lên men, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Total Nutrition Technologies Co., Ltd	Taiwan
2815	Cobalt Sulphate ($CoSO_4.7H_2O$)	GS-1508-5/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Coban (Co) trong TĂCN	Dạng bột màu xanh nhạt	Gremont Chemical Co. Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2816	Comwell (For Pig Breeder)	MR-552-6/02-KNKL	Bổ sung khoáng hữu cơ trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu đen	More.win Enterprise Trading Co. Ltd	Taiwan
2817	Comwell (For Porker)	MR-553-6/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu đen	More.win Enterprise Trading Co. Ltd	Taiwan
2818	Copper Sulphate Pentahydrate	52-02/12-CN	Bổ sung khoáng Đồng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xanh	Beneut Enterprise Co., Ltd	Taiwan
2819	Dabomb-P	DD-726-10/02-KNKL	Bột đậu nành, bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Dabomb Protein Corp	Taiwan
2820	DCP (Dicalcium Phosphate)	TS-318-11/00-KNKL	Chất bổ sung khoáng (Ca, P)	Hạt nhỏ, màu trắng ngà	TSOU SEEN Chemical Industries Corporation	Taiwan
2821	Dicalcium Phosphate	TT-527-5/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Hạt màu trắng xám	Tsou Seen Chemical Industries Corporation	Taiwan
2822	Easy-Immune	337-8/10-CN	Hỗn hợp chiết xuất nấm men bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Life Rainbow Biotech Co., Ltd	Taiwan
2823	Engine	53-02/12-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus coagulans, Bacillus Natto, Saccharomyces	Dạng bột, màu trắng nhạt đến nâu sáng	Syngen Biotech Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm			
2824	Entose	107-3/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis (probiotic) và hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu sáng	Microbial Resources Laboratories Inc	Taiwan
2825	EZ Protein (peco)	053-9/04-NN	Bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Uni-President Enterprises Corp.,	Taiwan
2826	Feed milk flavor 688	TB-1911-5/04-NN	Chất tạo hương vị sữa bổ sung trong TĂCN	Bột màu trắng	Teeming Enterprise Co. Ltd	Taiwan
2827	Ferroboy	MR-554-6/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, màu vàng nhạt	More. Win Enterprise Trading Co. Ltd	Taiwan
2828	Glykozyme	442-11/05-NN	Bổ sung protein đậu nành trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu nhạt	Dabomb Protein Corp.,	Taiwan
2829	Goodlite	83-03/09-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	More Standing Eterprise Co., Ltd	Taiwan
2830	Goodwell Fe 140	387-11/08-CN	Bổ sung khoáng sắt hữu cơ (Iron Chelate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	More Standing Enterprise Co., Ltd.	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2831	Goodwell Zn150	82-03/09-CN	Bổ sung khoáng hữu cơ (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	More Standing Eterprise Co., Ltd	Taiwan
2832	Herb-porch	215-7/07-CN	Bổ sung hương liệu thảo dược trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu đất pha màu vàng	Bioking Technology Co., Ltd	Taiwan
2833	I Pao Lin W	214-7/08-CN	Chất phụ gia (hỗn hợp sodium polyphosphate và potassium metaphosphate) dùng trong chế biến thức ăn cho chó, mèo	Dạng bột, màu trắng	H.I. Chemical Co., Ltd	Taiwan
2834	IRON-G	217-06/09-CN	Premix khoáng, dùng bổ sung Sắt (Fe) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng nâu	China Bestar Laboratories Ltd	Taiwan
2835	J.John Concentrate Feed 1A Prestarter	366-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2836	J.John Concentrate Feed 2A Starter	367-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2837	J.John Concentrate Feed 2S Starter	371-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2838	J.John Concentrate Feed 3A Grower	368-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn choai	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2839	J.John Concentrate Feed 3S Grower	372-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn choai	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2840	J.John Concentrate Feed 4A Gestation	369-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái chửa	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2841	J.John Concentrate Feed 5A Lactation	370-8/05-NN	Bổ sung premix vitamin khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái nuôi con	Dạng bột, màu trắng	Kaimight Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.,	Taiwan
2842	Joypork	84-03/09-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng	More Standing Eterprise Co., Ltd	Taiwan
2843	Joyswan	338-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ, khoáng vô cơ, premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	More Standing Enterprise Co., Ltd.	Taiwan
2844	KL-41	212-7/08-CN	Chất phụ gia (hỗn hợp protein đậu tương và chất chiết xuất từ tảo biển),	Dạng bột, màu vàng	H.I. Chemical Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			dùng trong chế biến thức ăn cho chó, mèo			
2845	Lecithin	87-3/11-CN	Bổ sung lecithin trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Central Union Oil Corp	Taiwan
2846	Lecithin	TT-465-02/02-KNKL	Nhũ hóa thành phần dinh dưỡng		TTET Union	Taiwan
2847	Lecithin thô	TT-465-02/02-KNKL	Nhũ hóa các chất dinh dưỡng trong TĂCN	Dạng lỏng, màu nâu	TTET Union	Taiwan
2848	Ling Hung Yeast	LC-1471-03/03-KNKL	Bổ sung enzym trong TĂCN		Ling Hung Enterprise Co. Ltd	Taiwan
2849	Linh Hung Yeast	LĐ-1753-11/03-NN	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		TNHH Linh Hùng	Taiwan
2850	Milkin Plus	TW-1597-7/03-KNKL	Bổ sung Canxi (Ca), Photpho (P) và Sắt (Fe) trong TĂCN	Bột màu trắng sữa	Bestar	Taiwan
2851	Mono Sodium Phosphate	YD-1309-11/02-KNKL	Bổ sung Natri (Na), Photpho (P) trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Jin Yih	Taiwan
2852	Mycostatin®-20	NO-278-9/00-KNKL	Phòng chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu nhạt, vàng kem	Novartis Animal Health GMBH	Taiwan
2853	Nutide N-100	272-7/10-CN	Bổ sung đạm từ đậu nành lên men trong thức ăn chăn	Dạng bột, màu vàng	Total Nutrition Technologies Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			nuôi nhằm cung cấp chất dinh dưỡng và tăng năng suất vật nuôi			
2854	Pop-Gold	271-7/10-CN	Bổ sung đạm từ đậu nành lên men trong thức ăn chăn nuôi nhằm cung cấp chất dinh dưỡng và tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu vàng	Total Nutrition Technologies Co., Ltd	Taiwan
2855	Popup	HT-1707-8/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Hui Shung Agriculture And Food Corp	Taiwan
2856	Popup (Soya Protein)	HF-142-6/01-KNKL	Bổ sung đạm trong TĂCN		Hui Shung Agriculture & Food Corp	Taiwan
2857	Prochal - Cu	216-08/06-CN	Bổ sung đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh nhạt	China Bestar Laboratories Ltd	Taiwan
2858	Prochal - Zn	215-08/06-CN	Bổ sung kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng nhạt	China Bestar Laboratories Ltd	Taiwan
2859	Propro	DT-1744-10/03-NN	Bột đậu nành, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Dabomb Protein Corp	Taiwan
2860	Protigen-F100	139-04/06-CN	Đạm đậu nành dùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Great-Wall Enterprise Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2861	Rubys Protein	443-11/05-NN	Bổ sung protein đậu nành trong thức ăn chăn nôi	Dạng bột, màu vàng nâu nhạt	Dabomb Protein Corp.,	Taiwan
2862	Rubyzyme	337-12/06-CN	Đạm đậu tương lên men bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm cung cấp đạm dễ tiêu tăng cường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu hơi vàng	Dabomb Protein Corp	Taiwan
2863	Silicon Dioxide (Sipernat 22 S)	EA-357-10/01-KNKL	Chất chống vón trong TĂCN		United Silica Industrial. Ltd	Taiwan
2864	Soappetite	444-11/05-NN	Bổ sung protein đậu nành trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu nhạt	Dabomb Protein Corp.,	Taiwan
2865	Sodium Erythorbate	213-7/08-CN	Chất phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho chó, mèo	Dạng kết tinh, màu trắng	H.I. Chemical Co., Ltd	Taiwan
2866	Soya Protein	GT-1720-10/03-NN	Bổ sung protein trong TĂCN	Bột màu vàng	Gene Agri.Qua Ecosystem	Taiwan
2867	Soya Protein	AT-526-5/02-KNKL	Bổ sung đạm trong TĂCN	Dạng bột màu vàng	Hui Shung Agriculture & Food Corp	Taiwan
2868	Strong®	216-06/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu vàng	Bion Tech Inc	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2869	Supersoy	231-07/09-CN	Bột đậu nành lên men dùng bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Great Wall Enterprise Co., Ltd	Taiwan
2870	Supplemental Feed (Ly - 230)	095-11/04-NN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng tiêu hóa và năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	Gene Agri-Aqua Ecosystem Biotec Co., Ltd	Taiwan
2871	Suprotein	327-11/07-CN	Cung cấp đạm thực vật được lên men vi sinh vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Gene Agri-Aqua Ecosystem Biotec Co., Ltd	Taiwan
2872	Tetranutra	326-11/07-CN	Cung cấp đạm thực vật được lên men vi sinh vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Gene Agri-Aqua Ecosystem Biotec Co., Ltd	Taiwan
2873	TOP 98	TW-1598-7/03-KNKL	Giảm stress và phòng tiêu chảy cho lợn con cai sữa	Bột màu hồng nhạt	Bestar	Taiwan
2874	Top-Ho concentrated feed	249-08/06-CN	Thức ăn bổ sung cho heo con từ cai sữa đến 15kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Nung Ho Enterprise Co., Ltd	Taiwan
2875	Toshi Soy Protein	210-7/07-CN	Đậu nành lên men nhằm bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng sáng	Hui Shung Agriculture & Food Corporation	Taiwan
2876	Toxi-Free	212-7/07-CN	Chất phụ gia có nguồn gốc từ nấm men Pichia Pastoris	Dạng bột mịn, màu nâu vàng	Life Rainbow Biotech Co., Ltd	Taiwan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			dùng trong thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa độc tố nấm mốc			
2877	Versazyme™	398-9/10-CN	Phụ gia, bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Yung Shin Pharm Ind	Taiwan
2878	Wellac (Milk Replacer)	HT-248-7/01-KNKL	Chất thay thế sữa trong TĂCN	Dạng bột	Hui Shung Agriculture& Food Corp	Taiwan
2879	Yen Yen	127-3/07-CN	Phụ phẩm từ đậu nành nhằm bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Uni-Topp Grains Trading Co., Ltd	Taiwan
2880	Yoto	336-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ (Fe, Zn, Mn, Cu, Se) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	More Standing Enterprise Co., Ltd	Taiwan
2881	Zineboy	MR-555-6/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng sữa	More. Win Enterprise Trading Co. Ltd	Taiwan
2882	Zygoseeds	LC-1735-10/03-NN	Bổ sung Protein trong TĂCN		Leonar Co. Ltd	Taiwan
2883	591-Prestarter Feed	69-02/06-CN	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con giai đoạn tập ăn (từ 7 đến 20 ngày tuổi)	Dạng viên dập, màu nâu vàng	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2884	599-Creep Feed	68-02/06-CN	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con giai đoạn tiền tập ăn (từ 7 đến 10 ngày tuổi)	Dạng viên dập, màu nâu vàng	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
2885	A Pro Adult/ Grilled Beef	228-8/08-CN	Thức ăn cho chó được cân đối đầy đủ các giá trị dinh dưỡng	Dạng viên khô, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
2886	A Pro Adult/ Grilled Liver	227-8/08-CN	Thức ăn cho chó được cân đối đầy đủ các giá trị dinh dưỡng	Dạng viên khô, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
2887	A Pro Puppy/ Grilled Beef	230-8/08-CN	Thức ăn cho chó được cân đối đầy đủ các giá trị dinh dưỡng	Dạng viên khô, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
2888	A Pro Puppy/ Grilled Liver	229-8/08-CN	Thức ăn cho chó được cân đối đầy đủ các giá trị dinh dưỡng	Dạng viên khô, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
2889	A Pro Small & Toy/Added Vegetable & Eggs	226-8/08-CN	Thức ăn cho chó được cân đối đầy đủ các giá trị dinh dưỡng	Dạng viên khô, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
2890	AA Concentrate	108-04/09-CN	Bổ sung các acid amin trong thức ăn cho lợn	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2891	Abs-Plus	64-2/10-CN	Bổ sung thành tế bào nấm men và chất hấp phụ độc tố	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi		Co., Ltd	
2892	Acid-Pak 4-Way 2X Water Soluble	116/4/12-CN	Bổ sung axit hóa hữu cơ vào thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Alltech Biotechnology Corp. Ltd	Thailand
2893	Acid-Pak 4-Way Liquid Hard Water Formula	117/4/12-CN	Bổ sung axit hóa hữu cơ vào thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu trong suốt hoặc màu vàng nhạt	Alltech Biotechnology Corp. Ltd	Thailand
2894	Acidtec 401	51-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng làm chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Linq Technology Corporation	Thailand
2895	Actimix Pig Breeder	BP-295-9/00-KNKL	Premix vitamin, khoáng cho lợn giống	Bột thô màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2896	Actimix Pig Stater	BP-294-9/00-KNKL	Premix vitamin, khoáng cho lợn con	Bột màu nâu lẫn đốm xanh	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2897	Actisol	93-3/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm giai đoạn đẻ trứng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2898	Active Plus	254-4/05-NN	Bổ sung vitamin và selenium vào thức ăn cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Better Pharma Co.,Ltd	ThaiLand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2899	Actmix Layer	318-12/06-CN	Bổ sung vitamin và khoáng cho gia cầm đẻ	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
2900	Actmix Pig Finisher	317-12/06-CN	Bổ sung vitamin và khoáng cho lợn từ 60kg thể trọng đến xuất chuồng	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
2901	Actmix Pig Grower	316-12/06-CN	Bổ sung vitamin và khoáng cho lợn từ 30 - 60kg thể trọng	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
2902	Agmix NRC 02 Starter	247-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo choai (15 - 30kg)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2903	Agmix NRC 03 Grower	248-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo lứa (30 - 60kg)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2904	Agmix NRC 04 finisher	37-02/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2905	Agmix NRC Breeder	38-02/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn giống trên 60kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2906	Agmix NRC Finisher	245-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo thịt (60kg - xuất chuồng)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2907	Agmix NRC Grower	36-02/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn từ 30 - 60kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd.	Thailand
2908	Agmix NRC Prestarter	243-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo con (7 - 15kg)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2909	Agmix NRC Starter	244-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo choai (15 - 30kg)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2910	Agmix Optima Layer	242-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm giai đoạn đẻ trứng	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2911	AGS Breeder	270-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo giống	Dạng bột, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2912	AGS Finisher	271-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo thịt trên 60kg	Dạng bột, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
2913	AGS Grower	272-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo từ 30 - 60kg	Dạng bột, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
2914	AGS Prestarter	274-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo từ 1 - 15kg	Dạng bột, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
2915	AGS Starter	273-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo từ 15 - 30kg	Dạng bột, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
2916	All Vet Petty Meal 20% Adult	239-8/07-CN	Thức ăn bổ sung dạng viên có chứa thịt cho chó lớn	Dạng viên, màu nâu	Nutrix Public Co., Ltd	Thailand
2917	All Vet Petty Meal 26% Puppy	240-8/07-CN	Thức ăn bổ sung dạng viên có chứa thịt cho chó con	Dạng viên, màu nâu	Nutrix Public Co., Ltd	Thailand
2918	Alphavit Layer C-AP00136	297-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho gà hậu bị (giai đoạn từ 0 - 10 tuần)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2919	Alphavit Layer C-AP00146	298-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho gà đẻ (giai đoạn từ 10 tuần tuổi đến đẻ 2%)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2920	Alphavit Layer C-AP00156	299-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho gà đẻ (giai đoạn bắt đầu đẻ 2% đến kết thúc)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2921	Alphavit Layer C-AP126	296-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho gà đẻ (giai đoạn bắt đầu đẻ 2% đến kết thúc)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2922	Alphavit Pig Breeder AP215	290-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2923	Alphavit Pig Breeder C-AP0715	295-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2924	Alphavit Pig Finisher AP514	289-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 60kg đến 100kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2925	Alphavit Pig Finisher C-AP0714	294-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 60kg đến 100kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd.	Thailand
2926	Alphavit Pig Grower AP513	288-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2927	Alphavit Pig Grower C-AP0713	293-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2928	Alphavit Pig Pre-Starter AP511	286-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 7kg đến 15kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2929	Alphavit Pig Pre-Starter C-AP0711	291-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 7kg đến 15kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2930	Alphavit Pig Starter AP512	287-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 15kg đến 30kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd.	Thailand
2931	Alphavit Pig Starter C-AP0712	292-08/09-CN	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giai đoạn từ 15kg đến 30kg	Dạng bột, màu nâu nhạt	Alpha Vet Co., Ltd	Thailand
2932	ALPO (Adult-Beef, Live và Vegetable)	NU-1719-10/03-NN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, khô, màu nâu, ngà vàng, xanh và đỏ	Nestle Purina PetCare Ltd	Thailand
2933	ALPO (Adult-Chicken, Live và Vegetable)	NU-1720-10/03-NN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, khô, màu nâu, ngà vàng và xanh	Nestle Purina PetCare Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2934	ALPO (Puppy-Beef, Milk và Vegetable)	NU-1721-10/03-NN	Thức ăn cho chó con	Dạng viên, khô, màu nâu và ngà vàng	Nestle Purina PetCare Ltd	Thailand
2935	Aniplex Plus Breeder	172-05/06-CN	Bổ sung khoáng hữu cơ (chelate) cho heo nái	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
2936	Aniplex Plus Creep-Starter	170-05/06-CN	Bổ sung khoáng hữu cơ (chelate) cho heo con	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
2937	Aniplex Plus Grower-Finisher	171-05/06-CN	Bổ sung khoáng hữu cơ (chelate) cho heo lớn	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
2938	Aoxtec 101	52-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng làm chất bảo quản chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Linq Technology Corporation	Thailand
2939	Aoxtec 111	53-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng làm chất bảo quản chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu sẫm	Linq Technology Corporation	Thailand
2940	AOXTEC® F01	139-4/10-CN	Bổ sung chất chống oxi hóa (BHA và BHT) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Linq Technology Corporation	Thailand
2941	AOXTEC® F11	138-4/10-CN	Bổ sung chất chống oxi hóa (BHA và BHT) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng	Linq Technology Corporation	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2942	AOXTEC® F12	140-4/10-CN	Bổ sung chất chống oxi hóa (BHA và BHT) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu	Linq Technology Corporation	Thailand
2943	Aschromium	337-9/08-CN	Bổ sung khoáng (Cr) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt 15kg - xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2944	Aschromium	337-9/08-CN	Bổ sung khoáng (Cr) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt 15kg - xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2945	Asmix 101 Pig Prestarter	211-4/05-NN	Premix vitamin, khoáng cho heo con tập ăn	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co.,Ltd	Thailand
2946	Asmix 101 Plus B	368-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo con giai đoạn 7 - 15kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2947	Asmix 102 Pig Starter	212-4/05-NN	Premix vitamin, khoáng cho heo con	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2948	Asmix 102 Plus B	370-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn gia đoạn 15 - 30kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2949	Asmix 103 Pig Grower	213-4/05-NN	Premix vitamin, khoáng cho heo lứa	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2950	Asmix 103 Plus B	371-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn giai đoạn 30 - 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2951	Asmix 104 Pig Finisher	214-4/05-NN	Premix vitamin, khoáng cho heo thịt	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2952	Asmix 104 Plus B	372-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2953	Asmix 105 Plus B	373-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho heo giống	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2954	Asmix 105 Pig Breeder	215-4/05-NN	Premix vitamin, khoáng cho heo giống	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co.,Ltd	Thailand
2955	Asmix 210 Cow	369-12/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho bò sữa và bò giống	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2956	ASMIX EXTREME-Grower, Finisher	08-01/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng chất trong thức ăn cho heo lứa, heo thịt (30kg - xuất chuồng)	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2957	ASMIX EXTREME-Grower, Finisher LC	11-01/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng chất trong thức ăn cho heo lứa, heo thịt (30kg - xuất chuồng)	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2958	ASMIX EXTREME-Starter	07-01/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng chất trong thức ăn cho heo choai (15 - 30kg)	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2959	ASMIX EXTREME-Starter LC	10-01/09-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng chất trong thức ăn cho heo choai (15 - 30kg)	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2960	Asmix Pre-Layer	67-3/10-CN	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gà đẻ	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2961	Astamix 101	132-5/11-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho lợn con giai đoạn từ 7kg đến 15kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co. Ltd	Thailand
2962	Astamix 102	133-5/11-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			lợn giai đoạn từ 15kg đến 30kg		Co. Ltd	
2963	Astamix 103	134-5/11-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho lợn giai đoạn từ 30kg đến 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co. Ltd	Thailand
2964	Astamix 104	135-5/11-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho lợn trên 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co. Ltd	Thailand
2965	Astamix 105	136-5/11-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho lợn giống trên 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co. Ltd	Thailand
2966	Astamix C Coated	216-4/05-NN	Cung cấp Vitamin, khoáng	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co.,Ltd	Thailand
2967	As-Tox	66-2/10-CN	Bổ sung thành tế bào nấm men và chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
2968	Aszymase	259-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2969	Aszymase F	261-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
2970	Aszymase FP	262-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
2971	Aszymase P	260-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
2972	Availa - G/F	213-7/11-CN	Bổ sung premix khoáng vi lượng (Zn, Mg, Cr, Se) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám	Vita Co., Ltd	Thailand
2973	Availamin Plus	342-10/09-CN	Bổ sung premix vitamin và chất khoáng dùng cho chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
2974	Bactosac	390- 9/10-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi cho đường tiêu hóa vật nuôi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	K.M.P. Biotech Co., Ltd	Thailand
2975	BE-LAC 300	84-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con dưới 15kg	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2976	Be-lac 300	118-01/05-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con 2 tuần sau cai sữa	Dạng viên, màu nâu	Betagro Agro-group Public Co., Ltd.,	Thailand
2977	BE-LAC 300S	83-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con tập ăn sau 1 tuần tuổi	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2978	Be-lac 300S	117-01/05-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con	Dạng viên, màu kem	Betagro Agro-group Public Co., Ltd	Thailand
2979	Benef - 6	342-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt trên 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2980	Benef - 9	339-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt trên 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2981	Benef Forte	340-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt trên 60kg	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
2982	BETAGRO 301	85-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con dưới 30kg	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2983	BETAGRO 301B	87-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con từ 15kg đến 30kg	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2984	BETAGRO 301L	86-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con từ 15kg đến 30kg	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2985	BETAGRO 302	88-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn từ 30kg đến 60kg	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2986	BETAGRO 303	89-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2987	BETAGRO 304	90-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn từ 90kg đến xuất chuồng	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2988	BETAGRO 306	91-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái có chửa	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2989	BETAGRO 307	92-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái cho con bú	Dạng viên, màu kem	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2990	BETAGRO 701	93-3/10-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 15kg đến 30kg	Dạng bột	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2991	BETAGRO 702	94-3/10-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 30kg đến 60kg	Dạng bột	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2992	BETAGRO 703	95-3/10-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 60kg đến xuất chuồng	Dạng bột	Betagro Public Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2993	BETAGRO 704	96-3/10-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái có chửa và lợn nái cho con bú	Dạng bột	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2994	BETAGRO 707	97-3/10-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 15kg đến xuất chuồng	Dạng bột	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
2995	Betamix 1	TL-418-01/02-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2996	Betamix 2	TL-419-01/02-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2997	Betamix 3	TL-417-01/02-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2998	Betamix 4	TL-420-01/02-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
2999	Betamix A	TL-416-01/02-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
3000	Better Diet Adult	TT-388-11/01-KNKL	Thức ăn dạng viên dùng cho chó lớn	Viên màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
3001	Better Diet Beef & Liver Formula 696	BT-1784-12/03-NN	Thức ăn dạng viên cho chó lớn	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3002	Better Diet Beef And Liver Formula 695	BT-1785-12/03-NN	Thức ăn dạng viên cho chó con	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3003	Better Diet Chicken Formula 691	BT-1788-12/03-NN	Thức ăn dạng viên cho chó con	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3004	Better Diet Chicken Formula 692	BT-1787-12/03-NN	Thức ăn dạng viên cho chó lớn	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3005	Better Diet Puppy	TT-387-11/01-KNKL	Thức ăn dạng viên dùng cho chó con	Viên màu nâu	Betterpharma Co. Ltd	Thailand
3006	Better Diet Vegetarian Formula 694	BT-1786-12/03-NN	Thức ăn dạng viên cho chó lớn	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3007	BIC Vita Con W/S	06-01/09-CN	Hỗn hợp vitamin dùng bổ sung cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Rovithai Limited	Thailand
3008	BIC Vita Zone W/S	05-01/09-CN	Hỗn hợp vitamin dùng bổ sung cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu đỏ	Rovithai Limited	Thailand
3009	Bio - Bome	355-10/09-CN	Khô đậu tương chiết ly lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Pro Biotech Feed Co., Ltd	Thailand
3010	BIO - Mate	91-03/06-CN	Thức ăn bổ sung nhằm tăng tỷ lệ tiêu hóa cho gia cầm, bò và heo	Dạng bột màu nâu nhạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3011	BIO - Mate DF	90-03/06-CN	Thức ăn bổ sung nhằm tăng tỷ lệ tiêu hóa cho gia cầm, bò và heo	Dạng bột màu nâu nhạt	Grand Siam Co., Ltd	ThaiLand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3012	Bio - Selennium (0,1% Se)	36-1/07-CN	Khoáng hữu cơ nhằm bổ sung selen (Se) vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3013	BIO - X	89-03/06-CN	Thức ăn bổ sung cho lợn nái nuôi con	Dạng bột màu nâu nhạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3014	Bio Egg	34-1/07-CN	Hỗn hợp khoáng hữu cơ nhằm bổ sung khoáng dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3015	Bio-Chromium (0.4% Cr)	276-9/07-CN	Bổ sung khoáng (Crom) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3016	Bio-Chromium 0,04%	32-1/07-CN	Khoáng hữu cơ nhằm bổ sung chrom (Cr) vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3017	Biofac-200 5X	AP-343-12/00-KNKL	Hợp chất bổ sung vitamin, khoáng cho lợn, gia cầm	Bột thô, màu nâu nhạt	Advance Pharma Co. Ltd	Thailand
3018	Biomax	271-8/09-CN	Premix vitamin và khoáng chất dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3019	Bio-Mins	33-1/07-CN	Hỗn hợp khoáng hữu cơ nhằm bổ sung khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3020	Biosan 400	377-9/10-CN	Thảo dược, bổ sung trong thức ăn để cải thiện năng suất chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3021	Bio-Selenium (0.2% Se)	275-9/07-CN	Bổ sung khoáng (Selen) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3022	Biosol-Poultry	150-5/08-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ cho gia cầm	Dạng lỏng, màu xanh	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3023	Bis Mix Pre-Starter- B111CCF	89-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể dưới 15 kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3024	Bis Mix Breeder-B127	93-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giống có khối lượng cơ thể trên 60kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3025	Bis Mix Finisher-B114CCF	92-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể trên 60kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3026	Bis Mix Grower-B113CCF	91-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			nuôi lợn có khối lượng cơ thể từ 30kg đến 60kg			
3027	Bis Mix S.D Breeder	98-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giống có khối lượng cơ thể trên 60kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3028	Bis Mix S.D Finisher	97-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể trên 60kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3029	Bis Mix S.D. Grower	96-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể từ 30kg đến 60kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3030	Bis Mix S.D. Starter	95-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể từ 15kg đến 30kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3031	Bis Mix Starter-B112CCF	90-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn có khối lượng cơ thể từ 15kg đến 30kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3032	Blend P-Max 1700	175-4/10-CN	Bổ sung Vitamin vào thức ăn cho gà thịt	Dạng bột, màu kem	Vita Co., Ltd	Thailand
3033	BM-Cream	332-9/08-CN	Cung cấp khoáng chất và dầu cho đại gia súc	Dạng kem, màu trắng đục	Thai - Meko Co., Ltd.	Thailand
3034	BP 102 Pig Starter	310-12/06-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn từ 15 - 30kg thể trọng	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
3035	BP 202 Pig Grower	311-12/06-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn từ 30 - 60kg thể trọng	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
3036	BP 302 Pig Finisher	312-12/06-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn từ 60kg thể trọng đến xuất chuồng	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
3037	BP 402 Pig Breeder	313-12/06-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn giống	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co.,Ltd	Thailand
3038	Briter Bunny	225-8/08-CN	Thực phẩm dành cho thỏ có công thức đặc biệt	Dạng viên khô, màu xanh, cam	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3039	Broiler Premix B444	NE- 95-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho gà thịt		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3040	Broiler stater Premix B111	NE- 94-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho gà con		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3041	BT 2 - A	314-12/06-CN	Bổ sung premix vitamin trong chế biến thức ăn gia súc	Dạng bột, màu cam nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3042	BTM MC - 2	315-12/06-CN	Bổ sung khoáng trong chế biến thức ăn gia súc	Dạng bột, màu cam nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3043	C.P Singing Bird	09-01/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chim cảnh	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3044	C.P. Mynah Dry Bird Food	203-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chim cảnh	Dạng viên màu đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3045	C.P. Puppy Beef Flavor	040-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho chó con	Dạng viên màu nâu, hương vị bò	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3046	C.P. Puppy Liver	041-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho chó con	Dạng viên màu đỏ, hương vị gan	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3047	Carnilean	57-02/12-CN	Bổ sung các chất dinh dưỡng (vitamin E, L-Carnitine, các khoáng vi lượng) trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt	Dạng bột, màu nâu	Rovithai Limited	Thailand
3048	C-Fern	252-07/09-CN	Premix khoáng, vitamin và axit folic dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3049	C-Fern 01	253-07/09-CN	Premix khoáng, vitamin và axit folic dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3050	Chappi Beef 16 Kg	EF-271-8/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó	Dạng viên nhiều hình, nhiều màu	Effem Foods	Thailand
3051	Chappi® Adult Beef Flavour	122-4/11-CN	Thức ăn bổ sung cho chó (sản phẩm có vị thịt bò và có chứa thịt gia cầm)	Dạng hạt, màu nâu xám	Mars Petcare (Thailand) Co. Ltd	Thailand
3052	Choline choride 60%n	BASF-335-12/00-KNKL	Chất bổ sung Vitamin B	Bột, màu vàng nâu	BASF	Thailand
3053	Chrolinate	268-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung khoáng Crôm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3054	Chromin 0.4%	86-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ phản ứng picolinate và crom nhằm bổ sung crom trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hồng nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3055	Colistin 10% Meiji	83-03/06-CN	Thức ăn bổ sung chứa colistin nhằm tăng hiệu quả của TĂCN, tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Thai Meiji Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3056	Companion Pet Classic Dog Liver	038-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu, hương vị gan	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3057	Companion Pets Classic Adult Dog Beef Flavour	133-4/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu cam, nâu và đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3058	Companion Pets Classic Adult Dog Chicken Flavour	131-4/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu xanh	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3059	Companion Pets Classic Beef BBQ Flavor	037-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu cam, hương vị bò	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3060	Companion Pets Classic Biscuit Bone, Beef B.B.Q. Flavor	202-08/06-CN	Bánh quy hương vị thịt bò, thức ăn bổ sung cho chó	Dạng bánh khô, viên màu nâu	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3061	Companion Pets Classic Cat Food Seafood Flavor	204-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu và màu đỏ	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3062	Companion Pets Classic Cat Food Tuna Flavor	205-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu và màu cam	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3063	Companion Pets Classic Grilled Liver	039-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu, hương vị gà	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3064	Companion Pets Classic Puppy Milk Flavour	349-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3065	Companion Pets Classic Small Breed Dog Beef Flavour	132-4/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chó con	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3066	Companion Pets Classic Small Breed Dog Food Beef BBQ Flavour	375-12/07-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt) cho chó	Dạng viên, màu đỏ nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3067	Comzyme	334-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3068	Comzyme F	336-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn cho lợn con, lợn thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3069	Comzyme FP	337-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn cho lợn con, lợn thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3070	Comzyme P	335-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3071	Concenzyme	335-9/08-CN	Bổ sung Enzyme giúp nâng cao hiệu quả chuyển hóa thức ăn của lợn	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3072	Concenzyme - P	336-9/08-CN	Bổ sung Enzyme giúp nâng cao hiệu quả chuyển hóa thức ăn của lợn	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3073	Concenzyme NSP	366-12/08-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi dành cho heo từ 15kg - xuất chuồng và gia cầm mọi giai đoạn	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3074	Concenzyme NSP II	367-12/08-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi dành cho heo từ 15kg - xuất chuồng và gia cầm mọi giai đoạn	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3075	Copper BioProteinate (10% Cu)	30-1/07-CN	Khoáng hữu cơ nhằm bổ sung đồng (Cu) vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3076	Copper Sulphate Pentahydrate (Feed Grade Fnac Code : 8-113)	AC-22-2/01-KNKL	Bổ sung khoáng vào TĂCN	Dạng tinh thể, màu xanh	Asian ChemicalCo. Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3077	Copper Sulphate Pentahydrate (Feed Grade G Code : 8-118)	AC-21-2/01-KNKL	Bổ sung khoáng vào TĂCN	Dạng tinh thể, màu xanh nhạt	Asian ChemicalCo. Ltd	Thailand
3078	Country 18%	106-04/09-CN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu xám hoặc đỏ	Petech Inter Group Co., Ltd	Thailand
3079	Country Adult Cat Seafood Flavour	97-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh, đỏ và màu cam	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3080	Country Adult Cat Tuna Flavour	98-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh và màu đỏ	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3081	Country Adult Dog Beef Flavour	101-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu đỏ	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3082	Country Adult Dog Lamb Flavour	102-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3083	Country Adult Dog Liver Flavour	103-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3084	D 4 DAM	173-05/06-CN	Bổ sung vitamin B_2, Biotin và sắt hữu cơ (chelate) cho heo	Dạng bột, màu nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3085	Danizyme TX	217-4/05-NN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Animal Supplements & Pharmaceutical Co.,Ltd	Thailand
3086	Deemix Pig Breeder	304-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn sinh sản	Dạng bột, rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3087	Deemix Pig Finisher	303-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn vỗ béo	Dạng bột, rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3088	Deemix Pig Grower	302-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn thịt 35 - 70kg	Dạng bột, rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3089	Deemix Pig Starter	301-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn choai 7 - 35kg	Dạng bột, rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3090	DETESSOL	200-5/10-CN	Bổ sung vitamin và khoáng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu hồng cam	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3091	Dextrose Monohydrate (30-100 Mesh)	BI-390-11/01-KNKL	Cung cấp năng lượng trong TĂCN		Pure Chem	Thailand
3092	Dog chews (Munchy)	306-6/05-NN	Dùng cho chó gặm chơi, tập thể dục và huấn luyện chó	Dạng cứng hình thỏi vuông, tròn, hình cục xương	Pet Products Ltd - Thailand	Thailand
3093	Dog Chews (Munchy)	169-02/05-NN	Thức ăn chơi cho chó	Hình xương, nhiều màu (tự nhiên, đỏ, nâu, xanh lá, vàng/ Hình xúc xích, 2 thỏi gắn vào nhau, mỗi thỏi dài 6”, màu nâu/Hình xương, dài 5,5”, màu vàng/ Thanh dài, nhiều màu./ Hình bánh pizza/Hình xương, nhiều	Pet Products Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
				màu, dài 2”/ Hình que, nhiều màu, 5” x 9,5 mm		
3094	Dog chews (Rawhide)	168-02/05-NN	Thức ăn chơi cho chó	Hình xương xoắn 2 đầu, màu trắng ngà và vàng, dài 4”-4,5”. Hình xương xoắn 2 đầu, màu trắng ngà và vàng, dài 5,5”-6”/ Dây thắt, dài 5,5”, màu trắng đục/ Hình xương, dài 3”, màu trắng ngà. / Hình xương, dài 6”/Hình chiếc giày, dài 5”, màu da./ Xúc xích đỏ cuộn trắng, dài 3,5”	Pet Products Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3095	Dog Chews (Rawhide)	307-6/05-NN	Dùng cho chó gặm chơi, tập thể dục và huấn luyện chó	Dạng cứng, hình chiếc đũa, hình xương cuốn	Pet Products Ltd	Thailand
3096	Dog Master Beef and Liver	328-7/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu vàng	Premier Pet Products Co., Ltd	Thailand
3097	Doggymilk	84-03/08-CN	Hỗn hợp sữa bột, whey, premix vitamin, dùng làm chất thay thế sữa cho chó con và mèo con	Dạng bột, màu trắng vàng	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3098	Dogmate Adult	BT-1610-8/03-KNKL	Thức ăn cho chó lớn	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3099	Dogmate Puppy	BT-1609-8/03-KNKL	Thức ăn cho chó con	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3100	Dololab	TL-683-9/02/-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng xám	Srisuk Trading and Services Co. Ltd	Thailand
3101	Dried Yeast-Feed Grade	AT-1590-7/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN	Bột nâu nhạt	Additive Food Co. Ltd	Thailand
3102	DT-Plus	65-2/10-CN	Bổ sung thành tế bào nấm men và chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3103	Duck Premix D111	NE- 97-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho vịt		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3104	D-X Plus	331-11/07-CN	Premix bổ sung màng tế bào men trong thức ăn dành cho heo và gia cầm mọi giai đoạn	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3105	Ecsef - 4	333-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3106	Ecsef - 5	336-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3107	Ecsef Forte	334-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3108	E-Max 210	266-09/06-CN	Bổ sung premix khoáng cho heo con từ 7,5kg - 30kg	Dạng bột, màu tro	VITA Company Limited	Thailand
3109	E-Max 310	267-09/06-CN	Hỗn hợp chất khoáng cho heo thịt 30 - 60kg	Dạng bột, màu tro	VITA Company Limited	Thailand
3110	E-Max 410	268-09/06-CN	Hỗn hợp chất khoáng cho heo 60kg tới bán thịt	Dạng bột, màu tro	VITA Company Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3111	E-Max 610	269-09/06-CN	Hỗn hợp chất khoáng cho heo trong thời kỳ mang thai	Dạng bột, màu tro	VITA Company Limited	Thailand
3112	E-Max 710	270-09/06-CN	Hỗn hợp chất khoáng cho heo nái	Dạng bột, màu tro	VITA Company Limited	Thailand
3113	ESP 500	267-8/08-CN	Bột đậu nành lên men lactobacilus nhằm bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Evershining Ingredient Co., Ltd.	Thailand
3114	EX-T HP	78-3/10-CN	Premix bổ sung vitamin vào thức ăn giúp nâng cao chất lượng thịt cho lợn từ 15kg đến xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements Co., Ltd,.	Thailand
3115	Extreme	335-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd.	Thailand
3116	Extreme Finisher	246-8/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho heo thịt (60kg - xuất chuồng)	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement (Thailand) Co., Ltd.	Thailand
3117	Feedcol Red	304-10/11-CN	Bổ sung chất tạo màu (Canthaxanthin) trong thức	Dạng hạt, màu đỏ tím	Roha Dyechem (Thailand) Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			ăn chăn nuôi gà nhằm cải thiện màu lòng đỏ trứng, da và chân gà			
3118	Feedcol TE	303-10/11-CN	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophyll) trong thức ăn chăn nuôi gà nhằm cải thiện màu lòng đỏ trứng, da và chân gà	Dạng sệt, màu nâu	Roha Dyechem (Thailand) Limited	Thailand
3119	Felipro	249-8/08-CN	Thức ăn dành cho mèo (có chứa sản phẩm động vật)	Dạng viên, màu xanh, đỏ và vàng	Nutrix Public Co., Ltd	Thailand
3120	Ferovit	139-5/08-CN	Bổ sung sắt và premix vitamin cho chó, mèo	Dạng lỏng, màu nâu đỏ	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3121	Fitase 7000	339-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu trắng kem	Animal Supplements	Thailand
3122	Forpet	83-03/08-CN	Thức ăn bổ sung premix vitamin và khoáng cho chó con và mèo	Dạng viên, màu nâu xám	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3123	Friskies (Adult-Ocean Fish Flavor)	NU-1725-10/03-NN	Thức ăn cho mèo trưởng thành	Dạng viên không đồng nhất, khô, màu nâu vàng, màu xanh, màu đỏ	Friskies Pet Care	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3124	Friskies (Kitten-Chicken, Milk và Fish Flavor)	NU-1724-10/03-NN	Thức ăn cho mèo con	Dạng viên, khô, màu nâu nhạt	Friskies Pet Care	Thailand
3125	Friskies (Adult-Tuna & Sardine Flavor))	NU-1726-10/03-NN	Thức ăn cho mèo trưởng thành	Dạng viên không đồng nhất, khô, màu nâu vàng, màu đỏ	Friskies Pet Care	Thailand
3126	Furmeg-3-Plus	143-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit béo cho chó	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3127	Furmeg-3-Plus Gel	275-8/08-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và acid béo trong thức ăn cho chó, mèo	Dạng gel, màu nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3128	Gesta - C	337-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3129	Gesta - S	270-8/09-CN	Premix vitamin dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements Co., Ltd	Thailand
3130	Glucanon	149-6/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin, axit amin, protein thực vật và chất xơ (beta-glucan) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3131	Golden Soy Lac	324-11/06-CN	Bột đậu nành lên men và thủy phân nhằm bổ sung protein dễ tiêu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3132	Granuphos 7000	264-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Animal Supplements	Thailand
3133	Gusto Adult	BT-1608-8/03-KNKL	Thức ăn cho chó trưởng thành	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3134	Gusto Puppy	BT-1611-8/03-KNKL	Thức ăn cho chó con	Viên màu nâu	Betagro Agro Group Public Co. Ltd	Thailand
3135	Hairry	82-03/08-CN	Thức ăn bổ sung premix vitamin và khoáng cho chó	Dạng viên, màu nâu đến xám	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3136	Hicass	266-8/09-CN	Premix vitamin và khoáng chất dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3137	Higain	265-8/09-CN	Premix vitamin và khoáng chất dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3138	Hogtonal 10X	AP-344-12/00-KNKL	Hợp chất bổ sung vitamin, khoáng cho lợn	Bột mịn, màu hồng tới da cam	Advance Pharma Co. Ltd	Thailand
3139	Inges Plus	94-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin (B_1, B_6, B_{12}) và Crôm trong thức ăn chăn nuôi lợn nái	Dạng bột, màu vàng nhạt	Top Feed Mills Co., Ltd	Thailand
3140	Innolact	76-3/10-CN	Premix bổ sung vitamin và khoáng chất vào thức ăn chăn nuôi cho lợn giống (>60kg)	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements Co., Ltd	Thailand
3141	Iron BioProteinate (10% Fe)	28-1/07-CN	Khoáng hữu cơ nhằm bổ sung sắt (Fe) vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu đỏ	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3142	Iron Chelamin (15% Fe)	82-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ phản ứng amino acid và hợp chất vô cơ nhằm bổ sung sắt và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu đậm	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3143	IronBioproteinate (13% Fe)	272-9/07-CN	Bổ sung khoáng (Sắt) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu đỏ	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3144	Jerhigh Bacon	157-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Thanh dài, màu đỏ và trắng ngà	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3145	Jerhigh Carrot Sticks	163-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình que, màu vàng đậm	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3146	Jerhigh Chicken Jerky	162-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Lát dài, màu nâu đỏ	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3147	Jerhigh Chicken Meat Sticks	159-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Lát dài, màu nâu đỏ	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3148	Jerhigh Chicken Sausage	160-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình xúc xích ngắn, dẹp, màu nâu đỏ	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3149	Jerhigh Cookie	154-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Miếng tròn, đỏ sậm	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3150	Jerhigh Golden Crispy	161-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Miếng tròn nhỏ, màu nâu	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3151	Jerhigh Hot Dog - Beef	166-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình xúc xích ngắn, màu kem dâu	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3152	Jerhigh Liver Browny	158-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Lát dài, màu đỏ sậm	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3153	Jerhigh Milky Sticks	165-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình que, màu vàng sáng	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3154	Jerhigh Salami	153-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Khoanh tròn, màu đỏ sậm	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3155	Jerhigh Spinach Stick	164-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình que, màu xanh lá	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand
3156	Jerhigh Sticks	155-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Hình que, màu đỏ	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd.,	Thailand
3157	Jerhigh Strips	156-02/05-NN	Thức ăn bổ sung cho chó	Thanh dài, màu đỏ	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3158	Jinny Fish Crumble Gravy	167-02/05-NN	Thức ăn cho mèo	Thịt cá viên có nước sốt	Bangkok Produce Merchandizing (Public) Co., Ltd.,	Thailand
3159	Kanipro	250-8/08-CN	Thức ăn dành cho chó trưởng thành (có chứa sản phẩm động vật)	Dạng viên, màu xanh, đỏ và xám	Nutrix Public Co., Ltd	Thailand
3160	Kitekat® Mackerel Flavour	120-4/11-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo (sản phẩm có vị cá thu và có chứa thịt gia cầm)	Dạng hạt, màu nâu	Mars Petcare (Thailand) Co. Ltd.	Thailand
3161	Kitekat® Tuna Flavour	121-4/11-CN	Thức ăn cho mèo (sản phẩm có vị cá ngừ và có chứa thịt gia cầm)	Dạng hạt, màu nâu	Mars Petcare (Thailand) Co. Ltd.	Thailand
3162	Lafeed 80	426-10/10-CN	Bổ sung acid lactic trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu vàng	Purac (Thailand) Ltd.	Thailand
3163	Layer Premix L444	NE- 96-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho gà đẻ		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3164	Linqzyme 301	236-07/09-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Linq Technology Corporation	Thailand
3165	LUTAVIT BLEND VL - 0499	BASF-89-3/01-KNKL	Premix vitamin dùng trộn vào thức ăn cho gà đẻ	Dạng bột, màu vàng, nâu nhạt	BASF	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3166	LUTAVIT BLEND VS - 0499	BASF-90-3/01-KNKL	Premix vitamin dùng trộn vào thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu vàng, nâu nhạt	BASF	Thailand
3167	Lutavit blend vb-0499	BASF-87-3/01-KNKL	Premix vitamin dùng trộn vào thức ăn cho gà thịt	Dạng bột, màu vàng, nâu nhạt	BASF	Thailand
3168	Lutavit blend Vbb - 0499	BASF-88-3/01-KNKL	Premix vitamin dùng trộn vào thức ăn cho gà giống hướng thịt	Dạng bột, màu vàng, nâu nhạt	BASF	Thailand
3169	Lutavit Mix Pig 101	104-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho heo cai sữa	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3170	Lutavit Mix Pig 102	105-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho lợn con	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3171	Lutavit Mix Pig 103	106-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho lợn hậu bị	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3172	Lutavit Mix Pig 104	107-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho lợn thịt	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3173	Lutavit Mix Pig 105	108-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho lợn bố mẹ	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3174	Lutavit Mix STD Layer Hen	109-3/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng vào thức ăn cho gà mái đẻ	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3175	Lutazyme	110-3/07-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3176	Macchromium	343-10/09-CN	Bổ sung khoáng chất (Cr) vào thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3177	Macfit	340-10/09-CN	Bổ sung premix vitamin và chất khoáng dùng trong chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3178	Macfit F	341-10/09-CN	Bổ sung premix vitamin E và khoáng (Se) dùng trong chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3179	Manganese BioProteinate (10% Mn)	31-1/07-CN	Khoáng hữu cơ nhằm bổ sung mangan (Mn) vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand
3180	Manganese Chelamin (15% Mn)	84-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ phản ứng amino acid và hợp chất vô cơ nhằm bổ sung mangan và amino acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3181	ManganeseBioproteinate(13% Mn)	273-9/07-CN	Bổ sung khoáng (Mangan) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3182	Maxsure	77-3/10-CN	Premix bổ sung Betaine và Biotin vào thức ăn giúp cải thiện chất lượng thịt cho lợn và gia cầm	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements Co., Ltd	Thailand
3183	Me-O Cat Beef Flavor	043-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu, hương vị bò	Perfect Companion Group Co.,Ltd	Thailand
3184	Me-O Cat Chicken	044-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu, hương vị gà	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3185	Me-O Cat Seafood	042-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu, hương vị hải sản	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3186	Me-O Cat Tuna	045-8/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo	Dạng viên màu nâu, hương vị cá ngừ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3187	Me-O Kitten Ocean Fish	350-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3188	Min P-Max 1700	176-4/10-CN	Bổ sung khoáng vào thức ăn cho gà thịt	Dạng bột, màu xám	Vita Co., Ltd	Thailand
3189	Mineral 10X	AP-345-12/00-KNKL	Hợp chất bổ sung khoáng cho vật nuôi	Bột mịn, màu hồng	Advance Pharma Co. Ltd	Thailand
3190	Minerals Premix	383-10/05-NN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi trâu, bò, lợn	Dạng bột, màu hồng	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3191	MiniCal	81-03/08-CN	Thức ăn bổ sung canxi và photpho cho chó con và mèo	Dạng viên, màu vàng nhạt đến màu nâu nhạt	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3192	Moldtec 201	48-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa nấm mốc	Dạng bột, màu trắng	Linq Technology Corporation	Thailand
3193	Moldtec 202	49-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa nấm mốc	Dạng bột, màu trắng	Linq Technology Corporation	Thailand
3194	Moldtec 211	50-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa nấm mốc	Dạng lỏng, màu đỏ tía	Linq Technology Corporation	Thailand
3195	MOLDTEC® 212	141-4/10-CN	Bổ sung chất chống mốc aicd propionic vào thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu	Linq Technology Corporation	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3196	Money Adult Cat Seafood Flavour	99-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh, đỏ và màu cam	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3197	Money Adult Cat Tuna Flavour	100-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh và màu đỏ	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3198	Money Adult Dog Beef Flavour	104-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu đỏ	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3199	Money Adult Dog Liver Flavour	105-3/11-CN	Thức ăn bổ sung (có chứa thịt gia cầm) cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu	Petech Intergroup Co., Ltd	Thailand
3200	Natu-Mix	112-3/07-CN	Bổ sung enzyme Phylase vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3201	Natu-Mix C	111-3/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu nâu	BASF (Thai) Limited	Thailand
3202	Newish Cal	42-01/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng dạng viên cho chó và mèo	Dạng viên, màu nâu	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3203	Newtex	14-01/08-CN	Bột gạo đã chế biến, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu trắng kem	PGP Co., Ltd	Thailand
3204	Novazyme TX	338-10/09-CN	Bổ sung enzyme vào thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3205	Nutri Vet Gel	144-5/08-CN	Bổ sung năng lượng, premix vitamin, khoáng, axit amin cho chó	Dạng gel, màu nâu	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3206	Nutrical	80-03/08-CN	Thức ăn bổ sung canxi và photpho cho chó	Dạng viên, màu vàng đến màu nâu nhạt	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3207	Nutri-Forte	85-03/08-CN	Thức ăn bổ sung năng lượng và vitamin cho chó và mèo	Dạng keo, màu nâu	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3208	Octamix Mineral Compound	340-11/11-CN	Bổ sung premix khoáng và vitamin cho gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Thai Progress Feed Co., Ltd	Thailand
3209	Octamix Vitamin Compound	339-11/11-CN	Bổ sung premix vitamin cho gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	Thai Progress Feed Co., Ltd	Thailand
3210	Oti-Clens	HT-1370-12/02-KNKL	Bổ sung chất khoáng khuẩn		Pfizer	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3211	Pedigree Beef	SH-106-4/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3212	Pedigree Beef Chunks In Sauce	TL-1379-12/02-KNKL	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3213	Pedigree Chicken And Vegetable Flavour	EF-336-12/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3214	Pedigree Chicken Chunks In Sauce	TL-1380-12/02-KNKL	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3215	Pedigree Chicken With Tasty Liver	SH-108-4/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3216	Pedigree Dentastix Puppy	TU-1829-01/04-NN	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3217	Pedigree DentaStix Toy To Small Dogs	TU-1830-01/04-NN	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3218	Pedigree Puppy Chicken and Egg Formula	SH-107-4/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3219	Pedigree Puppy Chicken Chunks In Sauce	TL-1381-12/02-KNKL	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3220	Pedigree Puppy Weaning Formula	UU-1517-5/03-KNKL	Thức ăn cho chó và mèo trưởng thành		Effem Foods	Thailand
3221	Pedigree Ringo Beef	TU-1831-01/04-NN	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3222	Pedigree Small Breeds Beef, Lamb and Vegetables Flavour	210-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó nhỏ	Dạng viên, màu nâu đậm, đỏ và xanh lá cây	Effem Foods Co., Ltd.	Thailand
3223	Pedigree Small Breeds Beef, Lamb and Vegetables Flavour	210-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó nhỏ	Dạng viên, màu nâu đậm, đỏ và xanh lá cây	Effem Foods Co., Ltd	Thailand
3224	Pedigree Small Breeds Chicken, Liver and Vegetables Flavour	211-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó nhỏ	Dạng viên, màu nâu đậm, đỏ và xanh lá cây	Effem Foods Co., Ltd	Thailand
3225	Pedigree Small Breeds Chicken, Liver and Vegetables Flavour	211-08/06-CN	Thức ăn hỗn hợp dùng cho chó nhỏ	Dạng viên, màu nâu đậm, đỏ và xanh lá cây	Effem Foods Co., Ltd	Thailand
3226	Pedigree Tasty Bone	EF-94-3/01-KNKL	Thức ăn hỗn hợp cho chó	Dạng viên	Effem Foods	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3227	Pedigree Tasty Bone Milky Biscuits	TU-1833-01/04-NN	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3228	Pedigree Tasty Bone Puppy Biscuit	TU-1832-01/04-NN	Thức ăn cho chó		Effem Foods	Thailand
3229	Pedigree® Beef Flavour	312-7/05-NN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu nâu, vàng nhạt, xanh lá	Effem Foods Co. Ltd	Thailand
3230	Pedigree® Chicken with Tasty Liver Flavour	313-7/05-NN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, màu vàng đậm, vàng nhạt, xanh lá	Effem Foods Co. Ltd	Thailand
3231	Pedigree® DentaStix®	46-02/12-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng miếng, màu nâu	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3232	Pedigree® Puppy Chicken and Egg Flavour	310-7/05-NN	Thức ăn cho chó con	Dạng viên, màu vàng nhạt	Effem Foods Co. Ltd	Thailand
3233	Pedigree® Puppy Weaning - 3 months Formula	311-7/05-NN	Thức ăn cho chó con	Dạng viên, màu vàng nhạt	Effem Foods Co. Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3234	Pedigree® Tastybone® Meaty Flavour	400- 10/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho chó (sản phẩm có chứa thịt gia cầm)	Dạng thanh, màu vàng	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd.	Thailand
3235	Pet- F.A Liquid R	PM-709-10/02-KNKL	Cung cấp khoáng, Vitamin cho chó, mèo		Pfizer	Thailand
3236	Pet- Tinic®	PM-710-10/02-KNKL	Cung cấp khoáng, Vitamin cho chó, mèo		Pfizer	Thailand
3237	Petty Gel	130-4/10-CN	Bổ sung vitamin, axit amin vào TĂCN cho chó và mèo	Dạng keo, màu nâu sẫm	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3238	Phytase 5000S	80-3/10-CN	Thức ăn bổ sung enzyme Phytase cho lợn	Dạng bột mịn, màu trắng kem	Animal Supplements Co., Ltd	Thailand
3239	Phytase 7000S	107-04/09-CN	Bổ sung enzyme phytase trong công thức thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu kem	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd.	Thailand
3240	Phytozyme TX	263-8/09-CN	Phụ gia dùng bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3241	Pig Breeder Premix S444	NE-72-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho lợn giống		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3242	Pookie snack kamaboko milk flavor	207-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng miếng, màu đỏ, vàng, nâu, kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3243	Pookie snack bacon	209-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng miếng, màu đỏ, vàng cam nhẹ	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3244	Pookie snack cookie	211-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng miếng, màu vàng, kem hồng	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3245	Pookie snack ministeak	210-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng miếng, màu vàng, kem hồng	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3246	Pookie Snack Stick Barbeque Flavor	278-8/08-CN	Thức ăn cho chó, mèo (có chứa thịt)	Dạng que, màu nâu sậm	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3247	Pookie Snack Stick Beef Flavor	277-8/08-CN	Thức ăn cho chó, mèo (có chứa thịt)	Dạng que, màu đỏ	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3248	Pookie Snack Stick Chicken Flavor	279-8/08-CN	Thức ăn cho chó, mèo (có chứa thịt)	Dạng que, màu vàng trứng	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3249	Pookie Snack Stick Milk Flavor	276-8/08-CN	Thức ăn cho chó, mèo (có chứa thịt)	Dạng que, màu trắng kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3250	Pookie snack strip barbeque flavor	206-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng mảnh, màu nâu đậm	AG-Science Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3251	Pookie snack strip beef flavor	205-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng mảnh, màu đỏ	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3252	Pookie snack strip chicken flavor	203-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng mảnh, màu vàng trứng	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3253	Pookie snack strip milk flavor	204-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng mảnh, màu trắng kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3254	Pookie snack sushi	208-06/09-CN	Thức ăn bổ sung, cung cấp dinh dưỡng cho chó mèo	Dạng que, màu đỏ, vàng kem, nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3255	Premix 25-1	327-8/10-CN	Bổ sung vitamin, vi khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co.Ltd	Thailand
3256	Premix 25-2	328-8/10-CN	Bổ sung vitamin, vi khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co.Ltd	Thailand
3257	Premix 25-3	329-8/10-CN	Bổ sung vitamin, vi khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co.Ltd	Thailand
3258	Premix 9011 E-V (Premic Vitamin)	CT-490-3/02-KNKL	Bổ sung vitamin trong TĂCN		Charoen Pokphand Foods Public Co. Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3259	Premix Hog Finisher S333	NE-71-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho lợn thịt		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3260	Premix Pig Grower S222	NE-70-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho lợn choai		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3261	Premix Pig Stater S111	NE-69-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng cho lợn con		Top Feed MillsCo. Ltd	Thailand
3262	Premix TW-IN (Premic khoáng)	CT-489-3/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Charoen Pokphand Foods Public Co. Ltd	Thailand
3263	Premix Vitamin (PV1)	RV-143-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3264	Premix Vitamin (PV2)	RV-144-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3265	Premix Vitamin (PV3)	RV-145-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3266	Premix Vitamin (PV4)	RV-146-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3267	Premix Vitamin (Rovimix 2116)	RV-147-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3268	Premix Vitamin (Rovimix 2118)	RV-148-6/01-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3269	Preserve-M	330-8/10-CN	Hỗn hợp axit hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi để ngăn ngừa nấm mốc	Dạng lỏng, không màu hoặc màu vàng nhẹ	P.V.T Manufacturing Co.Ltd	Thailand
3270	PRIMO ADULT DOG 6121	101-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 1 năm tuổi	Dạng viên	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
3271	PRIMO CAT OCEAN FISH FLOVEUR 6221	100-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 1 năm tuổi	Dạng viên	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
3272	PRIMO PUPPY 6111	102-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó sau cai sữa đến 1 năm tuổi	Dạng viên	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
3273	Profit - S	344-10/09-CN	Bổ sung premix vitamin và chất khoáng dùng cho chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3274	Profortz	269-8/09-CN	Premix vitamin và khoáng chất dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand
3275	Proteinate Chelate Plus 5	332-11/07-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3276	Protelate Plus 5	338-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt 15kg - xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3277	Purina® Alpo Adult Beef Liver and Vegetable Flavour	71-02/06-CN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên khô, màu nâu sậm, nâu nhạt, nâu đỏ và xanh rêu	Nestlé Purina Petcare Ltd	Thailand
3278	Purina® Alpo Adult Chicken Liver and Vegetable Flavour	72-02/06-CN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, khô, màu nâu nhạt, nâu sậm, nâu đỏ và xanh rêu	Nestlé Purina Petcare Ltd	Thailand
3279	Purina® Alpo Puppy Beef and Vegetable Flavour with Milk EssentialsTM	73-02/06-CN	Thức ăn cho chó con	Dạng viên khô, màu nâu sậm, nâu nhạt	Nestlé Purina Petcare Ltd	Thailand
3280	RAMBO 221	98-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà chọi dưới 3 tuần tuổi	Dạng mảnh nhỏ	Betagro Public Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3281	RAMBO 222	99-3/10-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà chọi lớn hơn 8 tháng	Dạng mảnh nhỏ	Betagro Public Co., Ltd	Thailand
3282	Rishy Adult	120-01/05-NN	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho chó lớn	Dạng viên, màu nâu	Betagro Agro-group Public Co., Ltd	Thailand
3283	Rishy Puppy	119-01/05-NN	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho chó con	Dạng viên, màu nâu	Betagro Agro-group Public Co., Ltd	Thailand
3284	Rovimix 33-9515	RT-220-7/00-KNKL	Bổ sung vitamin & chất khoáng		Rovithai Limited	Thailand
3285	Rovimix® VB 0499	RO-30-2/01-KNKL	Premix vitamin dùng bổ sung vitamin vào TĂCN	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3286	Rovimix® VB 0502	RT-719-10/02-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia cầm	Hạt mịn, màu nâu đậm	Rovithai Ltd	Thailand
3287	Rovimix® vb br 0499	RO-33-2/01-KNKL	Premix vitamin dùng bổ sung vitamin vào TĂCN	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3288	Rovimix® VBBR 0502	RT-720-10/02-KNKL	Cung cấp Vitamin cho gia cầm	Hạt mịn, màu nâu đậm	Rovithai Ltd	Thailand
3289	Rovimix® VL 0499	RO-32-2/01-KNKL	Premix vitamin dùng bổ sung vitamin vào TĂCN	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand
3290	Rovimix® VS 0499	RO-31-2/01-KNKL	Premix vitamin dùng bổ sung vitamin vào TĂCN	Dạng bột, màu vàng nâu	Rovithai Limited	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3291	S.P. MIX 07 Pig Breeder	300-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn sinh sản	Dạng bột rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3292	S.P. MIX 07 Pig Finisher	299-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn vỗ béo	Dạng bột rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3293	S.P. MIX 07 Pig Grower	298-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn choai	Dạng bột rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3294	S.P.MIX 07 Pig Prestarter-Pig Starter	297-7/10-CN	Premix, bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho lợn con tập ăn và lợn choai	Dạng bột rời từng hạt	Grand Siam Co., Ltd	Thailand
3295	Saltec 501	46-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa vi khuẩn	Dạng bột, màu trắng	Linq Technology Corporation	Thailand
3296	Saltec 511	47-1/07-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm ngăn ngừa vi khuẩn	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Linq Technology Corporation	Thailand
3297	Saltec 513	383-12/11-CN	Bổ sung chất axit hóa (axit formic và propionic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc,	Dạng dung dịch, màu hổ phách	Linq Technology Corporation	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			gia cầm nhằm ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại			
3298	Sangrovit 400	158-05/06-CN	Bổ sung chất triết xuất từ thảo dược trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích vật nuôi ăn nhiều, tăng trọng nhanh	Dạng bột, màu kem nâu	Better Pharma Co., Ltd	Thailand
3299	Selemix 964	365-11/07-CN	Thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng đục	Asian Pacific Specialty Chemicals Co., Ltd	Thailand
3300	Selemix 982	364-11/07-CN	Thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng đục	Asian Pacific Specialty Chemicals Co., Ltd	Thailand
3301	SmartHeart Adult Chicken & Egg Flavor	23-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành	Dạng viên, hỗn hợp các màu vàng, xanh, nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3302	SmartHeart Adult Chicken & Tuna	346-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3303	SmartHeart Adult Dog Toy & Small Breed Roast Beef Flavor	344-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó cảnh và chó con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3304	SmartHeart Adult Roast Beef Flavor	339-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó lớn	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3305	SmartHeart Adult Roast Chicken	341-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó lớn	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3306	SmartHeart Adult Seafood	347-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3307	SmartHeart Adult Smoked Liver	340-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó lớn	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3308	SmartHeart Adult Tuna & Shrimp	345-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3309	Smartheart Dog Treat Dental Care	33-02/12-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng bánh, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand
3310	Smartheart Dog Treat Healthy Hip Happy Joint	31-02/12-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng bánh, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3311	Smartheart Dog Treat Shiny & Healthy Coat	32-02/12-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng bánh, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3312	SmartHeart Kitten Chicken, Fish, Egg & Milk	348-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho mèo con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3313	SmartHeart Mynah	28-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim cảnh	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3314	SmartHeart Puppy Beef & Milk Flavor	24-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con	Dạng viên, hỗn hợp các màu đỏ, xanh, vàng	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3315	SmartHeart Puppy Chicken, Egg & Milk Flavor	25-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con	Dạng viên, hỗn hợp các màu vàng, xanh, nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3316	SmartHeart Puppy Roast Beef Flavor	342-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3317	SmartHeart Puppy Roast Chicken	343-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó con	Dạng viên, màu xanh hoặc nâu hoặc đỏ	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3318	SmartHeart Singing Bird Enhanced Energy & Voice	29-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim cảnh	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3319	SmartHeart Singing Bird Enhanced Immunity & Reduced Stress	30-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim cảnh	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3320	SmartHeart Small Breeds Chicken & Liver Flavor	27-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó (giống chó nhỏ)	Dạng viên, hỗn hợp các màu vàng, xanh, nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3321	SmartHeart Small Breeds Roast Beef Flavor	26-02/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó (giống chó nhỏ)	Dạng viên, hỗn hợp các màu đỏ, xanh, vàng	Perfect Companion Group Co., Ltd	Thailand
3322	Sovirac	79-3/10-CN	Premix bổ sung vitamin và khoáng chất giúp cải thiện chất lượng thịt cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements Co., Ltd	Thailand
3323	Sowgest	345-10/09-CN	Bổ sung vitamin vào thức ăn cho lợn giống	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3324	S-Plex Co	AT-1629-8/03-KNKL	Bổ sung Cobalt trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu sậm	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3325	S-Plex Cu	AT-1439-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Hạt mịn, màu xanh lá nhạt	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3326	S-Plex Fe	AT-1438-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu sẫm	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3327	S-Plex Mg	AT-1630-8/03-KNKL	Bổ sung Magiê (Mg) trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3328	S-Plex Mn	AT-1440-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3329	S-Plex Se	AT-1442-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu	Appliedforce Co. Ltd.	Thailand
3330	S-Plex Zn	AT-1441-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu	Appliedforce Co. Ltd	Thailand
3331	Star Bio Soy - Phos	35-1/07-CN	Đậu nành lên men bởi lactobacillus acidphilus nhằm bổ sung protein dễ tiêu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng xám	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3332	Startex-2	15-01/08-CN	Hỗn hợp bột gạo và bột đậu tương đã chế biến,	Dạng bột mịn, màu trắng kem	PGP Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi			
3333	Superior Breeder Proteinate	333-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng trong TĂCN cho lợn giống	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3334	Superior Chromium Tripicolinate (0,04%Cr)	335-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi Picolinate với Chromium nhằm bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn 15kg - xuất chuồng	Dạng bột, màu hồng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3335	Superior Chromium Tripicolinate (0,4%Cr)	334-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi Picolinate với Chromium nhằm bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn 15kg - xuất chuồng	Dạng bột, màu hồng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3336	Superior Copper Proteinate (10%Cu)	327-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung	Dạng bột, màu xanh	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			khoáng (Đồng) trong thức ăn chăn nuôi			
3337	Superior Finisher Proteinate	332-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng trong TĂCN cho lợn vỗ béo	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3338	Superior Iron Proteinate (10%Fe)	329-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng (Sắt) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3339	Superior Iron Proteinate (13% Fe)	78-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ thủy phân protein kết hợp khoáng vô cơ nhằm bổ sung sắt và protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu đỏ	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3340	Superior Magnesium Proteinate (7%Mg)	326-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng (Magie) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3341	Superior Manganese Proteinate (10%Mn)	328-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng (Mangan) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3342	Superior Manganese Proteinate (13% Mn)	80-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ thủy phân protein kết hợp khoáng vô cơ nhằm bổ sung mangan và protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3343	Superior Mins-Broiler	28-01/08-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà thịt	Dạng bột, màu vàng nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3344	Superior Mins-Layer	29-01/08-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3345	Superior Mins-Swine	30-01/08-CN	Bổ sung Mangan và protein trong thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3346	Superior Selenium Yeast (0.1% Se)	102-3/07-CN	Bổ sung Selenium trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3347	Superior Starter Proteinate	331-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân	Dạng bột, màu nâu	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			với khoáng nhằm bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con mới đẻ			
3348	Superior Zinc Proteinate (10%Zn)	330-11/06-CN	Hợp chất hữu cơ được tái tạo bởi protein thủy phân với khoáng nhằm bổ sung khoáng (Kẽm) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3349	Superior Zinc Proteinate (15% Zn)	81-2/07-CN	Khoáng hữu cơ tổng hợp từ thủy phân protein kết hợp khoáng vô cơ nhằm bổ sung kẽm và protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3350	Supreme	341-9/08-CN	Bổ sung vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn thịt trên 60kg - xuất chuồng	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplements (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3351	Supremmix Layer	68-3/10-CN	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng chất cho gà đẻ	Dạng bột mịn, màu nâu nhạt	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3352	Syner plus	267-8/09-CN	Premix vitamin và khoáng chất dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Animal Supplements	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3353	Tokusil® 233 (Silicon dioxide hydrated)	267-5/05-NN	Chất chống kết vón trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng	Tokuyama Siam Silica Co., Ltd	Thailand
3354	Toto-Min	41-01/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng dạng viên cho chó và mèo	Dạng viên, màu nâu nhạt	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd	Thailand
3355	TR-EGG Formula Premix For Duck Layer 5X	AP-342-12/00-KNKL	Premix bổ sung Vitamin, khoáng cho vịt đẻ	Bột thô, màu nâu nhạt	Advance Pharma Co. Ltd	Thailand
3356	TR-EGG Formula Premix For Layer 5X	AP-341-12/00-KNKL	Premix bổ sung Vitamin, khoáng cho gà đẻ	Bột thô, màu nâu nhạt	Advance Pharma Co. Ltd	Thailand
3357	Trusty (Beef Flavor)	NU-1722-10/03-NN	Thức ăn cho chó trưởng thành	Dạng viên, khô, màu nâu	Nestle Purina PetCare Ltd	Thailand
3358	Trusty (Puppy)	NU-1723-10/03-NN	Thức ăn cho chó con	Dạng viên, khô, màu nâu	Nestle Purina PetCare Ltd	Thailand
3359	Tuna soluble extract	147-5/08-CN	Bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu sậm	T.C. Union Agrotech Co., Ltd	Thailand
3360	Tuna Soluble Extract	39-02/09-CN	Chất chiết xuất từ cá ngừ, dùng làm nguyên liệu bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng sệt, màu nâu	T.C. Union Agrotech Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3361	V-Cat	138-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng cho mèo	Dạng viên, màu kem nâu với các đốm nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3362	Vet Soy Hydrolyse	325-11/06-CN	Bột đậu nành thủy phân bằng sinh học nhằm bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3363	Vet Soy Lac	101-3/07-CN	Bổ sung đạm thực vật từ đậu nành lên men trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3364	Vet Soy Lac P	134-4/07-CN	Đậu nành lên men và thủy phân với men enzyme phytase	Dạng bột, màu vàng nhạt	Vet Superior Consultant	Thailand
3365	VIROGREEN	199-5/10-CN	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu	Animal Supplement & Pharmaceutical Co., Ltd	Thailand
3366	Vita - Bitch	141-5/08-CN	Bổ sung sắt và premix vitamin cho chó	Dạng viên, màu đỏ nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3367	Vita - Cal	135-5/08-CN	Bổ sung canxi, photpho và vitamin D cho chó	Dạng viên, màu kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3368	Vita - Cardiac	136-5/08-CN	Bổ sung chất dinh dưỡng cho chó	Dạng viên, màu kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3369	Vita - Derm	137-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axít amin, axít béo cho chó	Dạng viên, màu kem đốm nâu	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3370	Vita - Flex	140-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin cho chó	Dạng viên, màu kem	AG-Science Co., Ltd	Thailand
3371	Vita - Fur	142-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng cho chó	Dạng viên, màu kem đốm nâu	AG-Science Co., Ltd.	Thailand
3372	Vitamin Premix "Max-One"	FT-258-7/01-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng, vitamin, khoáng giúp phòng bệnh	Dạng bột màu vàng	F.T.I Co. Ltd.	Thailand
3373	Vitamix 1	HT-1452-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng vi lượng cho heo con, heo lứa, heo thịt và heo giống	Bột màu nâu	Better Pharma	Thailand
3374	Vitamix 2	HT-1453-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng vi lượng cho heo con, heo lứa, heo thịt và heo giống	Bột màu nâu	Better Pharma	Thailand
3375	Vitamix 3	HT-1454-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng vi lượng cho heo con, heo lứa, heo thịt và heo giống	Bột màu nâu	Better Pharma	Thailand
3376	Vitamix 4	HT-1455-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng vi lượng cho heo con, heo lứa, heo thịt và heo giống	Bột màu nâu	Better Pharma	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3377	Vitamix A	HT-1456-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin, khoáng vi lượng cho heo con, heo lứa, heo thịt và heo giống	Bột màu nâu	Better Pharma	Thailand
3378	VS Lacti Soy	88-03/08-CN	Đậu tương lên men bởi Lactobacillus, dùng làm nguyên liệu bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3379	VS Lacti Soy Plus	89-03/08-CN	Đậu tương lên men bởi Lactobacillus và có chứa enzyme Phytase, dùng làm nguyên liệu bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Vet Superior Consultant Co., Ltd	Thailand
3380	V-Supravit	135-4/10-CN	Bổ sung vitamin vào TĂCN cho gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Vita Co., Ltd	Thailand
3381	V-Tamin Plus	134-4/10-CN	Bổ sung vitamin vào TĂCN cho gia cầm	Dạng bột, màu hồng đỏ	Vita Co., Ltd	Thailand
3382	Whiskas Kitten Ocean Fish	TL-568-7/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand
3383	Whiskas Kitten Tuna	TL-1384-12/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3384	Whiskas Mackerel	TL-1383-12/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand
3385	Whiskas Ocean Fish	SH-111-4/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho mèo	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3386	Whiskas Pocket Ocean Fish	TL-569-7/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand
3387	Whiskas Pocket Tuna	TL-570-7/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand
3388	Whiskas Tuna	TL-1382-12/02-KNKL	Thức ăn cho mèo		Effem Foods	Thailand
3389	Whiskas Tuna And Anchovy	SH-112-4/00-KNKL	Thức ăn hỗn hợp dùng cho mèo	Viên, khô	Effem Foods	Thailand
3390	Whiskas® Chicken & Tuna	354 - 8/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo trưởng thành	Dạng sệt ướt, màu nâu vàng	Mars Petcare	Thailand
3391	Whiskas® Junior Ocean Fish Flavour with Milk	118-3/12-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd.	Thailand
3392	Whiskas® Kitten Tuna	314-7/05-NN	Thức ăn cho mèo con	Dạng sệt, màu vàng nhạt	Effem Foods Co. Ltd.,	Thailand
3393	Whiskas® Mackerel	246-5/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng sệt ướt, màu cam đỏ	- Narong Canning Co., Ltd - I.S.A Value Co., Ltd	Thailand

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
3394	Whiskas® Mackerel & Salmon	399- 10/10-CN	Thức ăn hỗn hợp cho mèo trưởng thành (sản phẩm có chứa thịt gà)	Dạng sệt, ướt, màu nâu vàng	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd	Thailand
3395	Whiskas® Ocean Fish	250-5/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng sệt ướt, màu cam đỏ	- Narong Canning Co., Ltd - I.S.A Value Co., Ltd	Thailand
3396	Whiskas® Ocean Fish	315-7/05-NN	Thức ăn cho mèo trưởng thành	Dạng sệt, màu nâu nhạt	Effem Foods Co., Ltd.,	Thailand
3397	Whiskas® Pocket® Mackerel	SH-1929-6/04-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu đỏ, xanh và vàng	Effem Foods Co., Ltd	Thailand
3398	Whiskas® Sardine, Calamari, Prawns	247-5/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng sệt ướt, màu cam đỏ	- Narong Canning Co., Ltd - I.S.A Value Co., Ltd	Thailand
3399	Whiskas® Seafood Platter	248-5/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng sệt ướt, màu cam đỏ	- Narong Canning Co., Ltd - I.S.A Value Co., Ltd	Thailand

(Xem tiếp Công báo số 453 + 454)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng